

Số: 3673 /TB-CHP  
V/v công bố Báo cáo tài chính  
bán niên năm 2025 đã soát xét

Hải Phòng, ngày 28 tháng 8 năm 2025

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Cảng Hải Phòng thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2025 đã được soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

Mã chứng khoán: PHP

Địa chỉ trụ sở chính: Số 8A Trần Phú, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại liên hệ: 0225.3859945

Fax: 0225.3552049

Email: congbothongtin@haiphongport.com.vn

Website: <https://haiphongport.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 đã được soát xét

- Báo cáo tài chính riêng;

- Báo cáo tài chính hợp nhất;

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét 6 tháng năm 2025):

Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm):

Có ☒

Không ☐



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☒

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/8/2025 tại đường dẫn: <https://haiphongport.com.vn/vi/bao-cai-tai-chinh>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC riêng và BCTC hợp nhất bán niên năm 2025 đã được soát xét.
- Công văn số 3661 /CHP-TCKT ngày 27/8/2025 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc giải trình biến động kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2025.
- Công văn số 3663 /CHP-TCKT ngày 27/8/2025 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc giải trình kết luận ngoại trừ của kiểm toán trong BCTC bán niên năm 2025 đã được soát xét.
- Công văn số 3662 /CHP-TCKT ngày 27/8/2025 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc giải trình biến động kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2025 trước và sau soát xét.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBCKNN (để báo cáo);
- Lưu: VT, TKCT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tường Anh

Số:149/NQ-CHP

Hải Phòng, ngày 26 tháng 8 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc công bố Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 đã được soát xét  
của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1948/QĐ-CHP ngày 29/6/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Quyết định số 1950/QĐ-CHP ngày 29/6/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Xét Tờ trình số 3598/TTr-CHP ngày 21/8/2025 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc công bố Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 đã được soát xét;

Căn cứ Bản tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng số 213/THYK-HĐQT ngày 26/8/2025,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) thông qua nội dung và chấp thuận công bố Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 đã được soát xét của Cảng Hải Phòng (gồm Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất) và giải trình biến động kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2025, giải trình kết luận ngoại trừ của kiểm toán trong Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 đã được soát xét, giải trình biến động kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2025 trước và sau soát xét của đơn vị kiểm toán theo đề xuất của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 3598/TTr-CHP ngày 21/8/2025.

**Điều 2.** Hội đồng quản trị Công ty giao Tổng Giám đốc căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Điều lệ, các Quy chế của Cảng Hải Phòng và pháp luật hiện hành thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban KTNB;
- P.TCKT;
- Lưu: TKCT.



**Phạm Hồng Minh**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2025**

## **MỤC LỤC**

| <b>NỘI DUNG</b>                                         | <b>TRANG</b> |
|---------------------------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC                           | 2 - 3        |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ       | 4 - 6        |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ                 | 7 - 8        |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ | 9            |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ           | 10 - 11      |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ        | 12 - 55      |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

|                        |                                                     |
|------------------------|-----------------------------------------------------|
| Ông Phạm Hồng Minh     | Chủ tịch HĐQT                                       |
| Ông Nguyễn Tường Anh   | Thành viên HĐQT                                     |
| Bà Nguyễn Thị Yến      | Thành viên HĐQT                                     |
| Bà Trịnh Thị Ngọc Biển | Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)         |
| Ông Lê Đông            | Thành viên HĐQT                                     |
| Ông Lý Quang Thái      | Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)           |
| Ông Đỗ Vũ Linh         | Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025) |
| Ông Vũ Đức Biên        | Thành viên HĐQT độc lập                             |
| Bà Lê Thị Ngọc Dung    | Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)   |

#### Ban Kiểm soát

|                       |                                        |
|-----------------------|----------------------------------------|
| Bà Trần Thị Thanh Hải | Trưởng Ban                             |
| Bà Nguyễn Thị Hằng    | Thành viên                             |
| Ông Đồng Xuân Khanh   | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025) |
| Ông Nguyễn Tuấn Anh   | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)   |

#### Ban Kiểm toán nội bộ

|                     |                          |
|---------------------|--------------------------|
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Phó Trưởng Ban phụ trách |
| Ông Phan Anh Tuấn   | Phó Trưởng Ban           |
| Ông Vũ Văn Hợi      | Thành viên               |
| Ông Lương Anh Hoàng | Thành viên               |
| Bà Vũ Thị Lan Anh   | Thành viên               |

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

|                      |                                                |
|----------------------|------------------------------------------------|
| Ông Nguyễn Tường Anh | Tổng Giám đốc                                  |
| Ông Hà Vũ Hào        | Phó Tổng Giám đốc                              |
| Ông Chu Minh Hoàng   | Phó Tổng Giám đốc                              |
| Ông Ngô Trung Hiếu   | Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10/01/2025) |

Kế toán trưởng của Công ty là bà Đào Thị Thu Hà.

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng ngoài sự kiện đã được thuyết minh tại thuyết minh số 34.4, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tường Anh  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Số: 1001/2025/UHY-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025*

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 8 năm 2025, từ trang 07 đến trang 55 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

1. Tại thời điểm 30/06/2025, Công ty đang ghi nhận tại chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 137,98 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng.

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

### **Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (tiếp)**

Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Ngày 8/6/2023, Công ty đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Bộ GTVT đã có văn bản số 10882/BGTVT-TC ngày 28/9/2023 gửi Bộ Tài chính tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (thay thế Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018), trong đó Bộ GTVT có đề xuất bổ sung nội dung trong điều khoản chuyển tiếp của Nghị định để trong trường hợp đề xuất được thông qua sẽ giải quyết được hình thức quản lý tài sản, tức là tài sản bến số 4,5 Cảng Chùa Vẽ được giao cho Cảng Hải Phòng quản lý, khai thác (không phải cho thuê). Ngày 24/12/2024, Văn phòng Chính phủ đã có thông báo số 569/TB-VPCP về việc kết luận tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ về Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Theo đó, Phó Thủ tướng thống nhất về việc không quy định xử lý chuyển tiếp trong Nghị định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hình thành từ nguồn vốn Nhà nước, đồng thời giao Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính khẩn trương báo cáo phương án xử lý. Khi có sự phê duyệt chính thức của các cấp có thẩm quyền về phương án quản lý khai thác đối với tài sản Cầu số 4, số 5, Bãi container Chùa Vẽ và Góí thiết bị, Cảng Hải Phòng sẽ có trách nhiệm cập nhật lại số liệu báo cáo tài chính. Ngày 27/12/2024, theo Nghị quyết số 168/NQ-CHP, Hội đồng quản trị Công ty đã chấp thuận chủ trương tiếp tục trích khấu hao đối với cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ theo đề xuất của Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng tại Báo cáo số 4882/CHP-TCKT ngày 25/12/2024.

Ngày 03/6/2025 Cảng Hải Phòng đã có văn bản số 2212/CHP-TCKT báo cáo đề nghị Bộ Xây dựng và Bộ Tài chính thống nhất phương án báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án quản lý khai thác các tài sản trên.

Đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định các chi phí liên quan đến việc sử dụng các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ của Công ty giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2025.

2. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết để có thể đánh giá được ảnh hưởng của toàn bộ các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty (đính kèm).

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 30/06/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**Nguyễn Minh Long**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNDKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30/06/2025

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | 30/06/2025<br>VND        | 01/01/2025<br>VND        |
|----------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                      | <b>100</b> |             | <b>1.630.339.668.194</b> | <b>1.439.190.419.743</b> |
| Tiền và các khoản tương đương tiền           | 110        | 4           | 304.979.063.527          | 338.882.421.807          |
| Tiền                                         | 111        |             | 109.979.063.527          | 48.882.421.807           |
| Các khoản tương đương tiền                   | 112        |             | 195.000.000.000          | 290.000.000.000          |
| <b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>             | <b>120</b> |             | <b>260.030.000.000</b>   | <b>70.436.000.000</b>    |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 123        | 6           | 260.030.000.000          | 70.436.000.000           |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>           | <b>130</b> |             | <b>660.699.523.346</b>   | <b>778.213.497.663</b>   |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng             | 131        | 8           | 163.286.098.000          | 149.998.039.608          |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn             | 132        | 7           | 183.942.081.823          | 348.149.904.360          |
| Phải thu ngắn hạn khác                       | 136        | 9           | 340.872.050.102          | 307.286.575.417          |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137        | 11          | (27.400.706.579)         | (27.221.021.722)         |
| <b>Hàng tồn kho</b>                          | <b>140</b> | <b>10</b>   | <b>90.459.960.231</b>    | <b>92.338.403.581</b>    |
| Hàng tồn kho                                 | 141        |             | 90.459.960.231           | 92.338.403.581           |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                 | <b>150</b> |             | <b>314.171.121.090</b>   | <b>159.320.096.692</b>   |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                   | 151        | 5           | 13.465.859.454           | 19.129.712.253           |
| Thuế GTGT được khấu trừ                      | 152        |             | 300.705.261.636          | 140.190.384.439          |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>7.189.738.519.233</b> | <b>5.876.861.305.208</b> |
| <b>Tài sản cố định</b>                       | <b>220</b> |             | <b>2.596.890.449.346</b> | <b>1.591.265.868.337</b> |
| Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | 13          | 2.589.518.489.821        | 1.584.888.711.353        |
| - Nguyên giá                                 | 222        |             | 6.084.821.579.490        | 4.992.818.338.094        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |             | (3.495.303.089.669)      | (3.407.929.626.741)      |
| Tài sản cố định vô hình                      | 227        | 14          | 7.371.959.525            | 6.377.156.984            |
| - Nguyên giá                                 | 228        |             | 39.712.669.931           | 37.799.350.954           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 229        |             | (32.340.710.406)         | (31.422.193.970)         |
| <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>               | <b>240</b> |             | <b>2.981.497.318.536</b> | <b>3.159.225.541.207</b> |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | 12          | 2.981.497.318.536        | 3.159.225.541.207        |
| <b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> | <b>6</b>    | <b>1.555.174.500.892</b> | <b>1.061.211.063.096</b> |
| Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | 949.363.691.109          | 945.863.691.109          |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | 638.087.605.644          | 131.206.037.464          |
| Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác           | 253        |             | 2.181.131.012            | 2.181.131.012            |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | (34.457.926.873)         | (18.039.796.489)         |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>                  | <b>260</b> |             | <b>56.176.250.459</b>    | <b>65.158.832.568</b>    |
| Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | 5           | 40.742.966.916           | 50.125.382.879           |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        | 32          | 15.433.283.543           | 15.033.449.689           |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                          | <b>270</b> |             | <b>8.820.078.187.427</b> | <b>7.316.051.724.951</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
Tại ngày 30/06/2025

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | 30/06/2025               | 01/01/2025               |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
|                                                 |            |             | VND                      | VND                      |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>2.982.007.965.806</b> | <b>1.870.246.892.061</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                              | <b>310</b> |             | <b>1.258.894.445.469</b> | <b>1.388.931.418.118</b> |
| Phải trả người bán ngắn hạn                     | 311        | 15          | 633.437.580.366          | 834.922.544.499          |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn               | 312        | 16          | 4.994.296.701            | 14.247.375.611           |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước             | 313        | 17          | 116.824.264.455          | 58.981.033.756           |
| Phải trả người lao động                         | 314        |             | 95.320.833.599           | 97.802.583.524           |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                       | 315        | 19          | 228.203.420.089          | 225.263.830.200          |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn               | 318        |             | 2.686.790.925            | 5.353.167.082            |
| Phải trả ngắn hạn khác                          | 319        | 20          | 97.992.445.758           | 107.464.502.225          |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | 18          | 26.358.199.868           | 23.523.799.299           |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        |             | 53.076.613.708           | 21.372.581.922           |
| <b>Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>1.723.113.520.337</b> | <b>481.315.473.943</b>   |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                | 338        | 18          | 1.723.113.520.337        | 481.315.473.943          |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                           | <b>400</b> |             | <b>5.838.070.221.621</b> | <b>5.445.804.832.890</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                           | <b>410</b> | <b>21</b>   | <b>5.838.070.221.621</b> | <b>5.445.804.832.890</b> |
| Vốn góp của chủ sở hữu                          | 411        |             | 3.269.600.000.000        | 3.269.600.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 3.269.600.000.000        | 3.269.600.000.000        |
| Quỹ đầu tư phát triển                           | 418        |             | 1.819.342.644.034        | 1.520.310.342.937        |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối               | 421        |             | 749.127.577.587          | 655.894.489.953          |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 285.335.188.856          | 13.467.439.606           |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 421b       |             | 463.792.388.731          | 642.427.050.347          |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>                           | <b>440</b> |             | <b>8.820.078.187.427</b> | <b>7.316.051.724.951</b> |

Hải Phòng, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Quyên

Đào Thị Thu Hà

Nguyễn Tường Anh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025*

| Chỉ tiêu                                      | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2025<br>đến 30/06/2025<br>VND | Từ 01/01/2024<br>đến 30/06/2024<br>VND |
|-----------------------------------------------|-------|-------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
|                                               |       |             |                                        |                                        |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 01    | 23          | 803.762.534.678                        | 654.321.446.705                        |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                  | 02    |             | -                                      | -                                      |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ  | 10    |             | 803.762.534.678                        | 654.321.446.705                        |
| Giá vốn hàng bán                              | 11    | 24          | 475.000.510.877                        | 414.255.361.991                        |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20    |             | 328.762.023.801                        | 240.066.084.714                        |
| Doanh thu hoạt động tài chính                 | 21    | 25          | 191.827.359.742                        | 140.901.291.972                        |
| Chi phí tài chính                             | 22    | 26          | 33.210.985.422                         | 13.162.520.430                         |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>              | 23    |             | 2.295.124.529                          | 3.013.666.250                          |
| Chi phí bán hàng                              | 25    |             | -                                      | -                                      |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                  | 26    | 27          | 51.179.679.730                         | 36.218.475.035                         |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh       | 30    |             | 436.198.718.391                        | 331.586.381.221                        |
| Thu nhập khác                                 | 31    | 28          | 98.688.337.053                         | 776.534.821                            |
| Chi phí khác                                  | 32    | 29          | 20.264.111                             | 178.445.687                            |
| Lợi nhuận khác                                | 40    |             | 98.668.072.942                         | 598.089.134                            |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế             | 50    |             | 534.866.791.333                        | 332.184.470.355                        |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                   | 51    | 31          | 71.474.236.456                         | 47.110.765.143                         |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại                    | 52    | 32          | (399.833.854)                          | (399.833.854)                          |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp      | 60    |             | 463.792.388.731                        | 285.473.539.066                        |

Hải Phòng, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

| Chỉ tiêu                                                                                                  | Mã Thuyết<br>số minh | Từ 01/01/2025<br>đến 30/06/2025<br>VND | Từ 01/01/2024<br>đến 30/06/2024<br>VND |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                                            |                      |                                        |                                        |
| Lợi nhuận trước thuế                                                                                      | 01                   | 534.866.791.333                        | 332.184.470.355                        |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>                                                                           |                      |                                        |                                        |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT                                                                                    | 02                   | 88.291.979.364                         | 72.948.080.095                         |
| Các khoản dự phòng                                                                                        | 03                   | 16.597.815.241                         | 2.919.247.808                          |
| (Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối<br>doái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ<br>có gốc ngoại tệ | 04                   | 12.908.050.492                         | (13.822.072.784)                       |
| (Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư                                                                                 | 05                   | (187.235.513.411)                      | (114.888.387.696)                      |
| Chi phí lãi vay                                                                                           | 06                   | 2.295.124.529                          | 3.013.666.250                          |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước<br/>thay đổi vốn lưu động</b>                                  | <b>08</b>            | <b>467.724.247.548</b>                 | <b>282.355.004.028</b>                 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                             | 09                   | (46.573.010.780)                       | (76.539.604.116)                       |
| Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                                   | 10                   | 1.878.443.350                          | (7.208.364.376)                        |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể<br>lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh<br>nghiệp phải nộp)      | 11                   | (220.898.382.810)                      | 424.031.541.289                        |
| Tăng, giảm chi phí trả trước                                                                              | 12                   | 15.046.268.762                         | (11.709.259.678)                       |
| Tiền lãi vay đã trả                                                                                       | 14                   | (974.380.748)                          | (1.148.765.140)                        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                                         | 15                   | (16.450.342.431)                       | (32.805.672.517)                       |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                                     | 16                   | 62.940.000                             | 14.400.000                             |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh                                                                     | 17                   | (39.885.908.214)                       | (35.647.316.105)                       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh<br/>doanh</b>                                                  | <b>20</b>            | <b>159.929.874.677</b>                 | <b>541.341.963.385</b>                 |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                                                |                      |                                        |                                        |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và<br>các tài sản dài hạn khác                                         | 21                   | (1.386.459.912.642)                    | (523.808.449.616)                      |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của<br>đơn vị khác                                                   | 23                   | (260.000.000.000)                      | (375.906.000.000)                      |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ<br>nợ của đơn vị khác                                           | 24                   | 70.406.000.000                         | 723.400.000.000                        |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                                   | 25                   | (40.464.337.806)                       | -                                      |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị<br>khác                                                            | 26                   | 354.344.566                            | -                                      |
| Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được<br>chia                                                        | 27                   | 190.794.341.583                        | 97.719.944.994                         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu<br/>tư</b>                                                      | <b>30</b>            | <b>(1.425.369.564.299)</b>             | <b>(78.594.504.622)</b>                |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

| Chỉ tiêu                                                | Mã<br>số  | Thuyết<br>minh | Từ 01/01/2025<br>đến 30/06/2025 | Từ 01/01/2024<br>đến 30/06/2024 |
|---------------------------------------------------------|-----------|----------------|---------------------------------|---------------------------------|
|                                                         |           |                | VND                             | VND                             |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>           |           |                |                                 |                                 |
| Tiền thu từ đi vay                                      | 33        |                | 1.792.776.378.957               | -                               |
| Tiền trả nợ gốc vay                                     | 34        |                | (560.898.734.555)               | (12.486.577.604)                |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                 | 36        |                | (21.660.000)                    | (130.718.925.000)               |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>     | <b>40</b> |                | <b>1.231.855.984.402</b>        | <b>(143.205.502.604)</b>        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>                   | <b>50</b> |                | <b>(33.583.705.220)</b>         | <b>319.541.956.159</b>          |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>                  | <b>60</b> | <b>4</b>       | <b>338.882.421.807</b>          | <b>80.830.437.874</b>           |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61        |                | (319.653.060)                   | 171.235.657                     |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>                 | <b>70</b> | <b>4</b>       | <b>304.979.063.527</b>          | <b>400.543.629.690</b>          |

Hải Phòng, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng (nay là Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng) cấp ngày 01 tháng 7 năm 2014, thay đổi lần thứ 13 ngày 28 tháng 7 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 8A Trần Phú, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 30/06/2025 là 3.269.600.000.000 VND (bằng chữ: Ba nghìn hai trăm sáu mươi chín tỷ sáu trăm triệu đồng), tương đương 326.960.000 cổ phần mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH**

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khai thác cảng, dịch vụ kho bãi, logistics và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

**1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp, giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi, văn phòng;
- Môi giới thuê tàu biển, dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, dịch vụ giao nhận, nâng hạ hàng hóa, dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa container và dịch vụ vệ sinh container;
- Lai dắt và hỗ trợ tàu biển.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**1.5 NHÂN VIÊN**

Tại ngày 30/06/2025 Công ty có 1.081 nhân viên đang làm việc (số tại ngày 01/01/2025 là 1.410 nhân viên).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

*Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:*

| Tên công ty                                                | Địa chỉ                                                              | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính                                                                                                                              |
|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ          | Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng                   | 51,00%        | 51,00%                 | Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Vận tải; Dịch vụ hàng hải và kinh doanh kho vận.                                                           |
| Công ty Cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng          | Lô 15, đường Lê Hồng Phong, phường Hải An, Thành phố Hải Phòng       | 60,00%        | 60,00%                 | Hỗ trợ tàu biển, bốc xếp, bảo quản giao nhận vận tải hàng hóa; Hoạt động lai đất, trục vớt, cứu hộ và đại lý vận tải hàng hóa.                          |
| Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu                           | Số 03 đường Lê Thánh Tông, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng     | 100,00%       | 100,00%                | Dịch vụ xếp dỡ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Trung chuyển và lưu trữ hàng hóa; Dịch vụ vận tải và các hoạt động hỗ trợ liên quan đến vận tải. |
| Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng             | Số 23, đường Lương Khánh Thiện, phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng | 100,00%       | 100,00%                | Khám chữa bệnh, khám sức khỏe và cấp giấy chứng nhận sức khỏe; cung cấp dịch vụ vệ sinh, y tế dự phòng.                                                 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng | Số 05 Cù Chính Lan, phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng            | 90,00%        | 90,00%                 | Giáo dục nghề nghiệp các nghề giao nhận, vận hành các thiết bị xếp dỡ phục vụ khai thác cảng.                                                           |

*Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:*

| Tên công ty                                              | Địa chỉ                                                          | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính                                                 |
|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng | Số 03 đường Lê Thánh Tông, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng | 30,52%        | 30,52%                 | Hoạt động kinh doanh bất động sản                                          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng  | 13 đường Nguyễn Trãi, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng      | 27,61%        | 27,61%                 | Xây dựng công trình và vận tải đường bộ                                    |
| Công ty Cổ phần HPH Logistics                            | Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng    | 38,81%        | 38,81%                 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

#### 1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

*Danh sách các công ty liên doanh, liên kết (tiếp):*

| Tên công ty                                               | Địa chỉ                                                                                      | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính                                                                      |
|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng (1) | Số 4 đường Hoàng Diệu, phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng                                 | 32,24%        | 32,24%                 | Vận tải hàng hóa đường bộ, đường biển, kho bãi, bốc xếp hàng hóa, đại lý tàu biển, vận tải biển |
| Công ty CP Vinalines Đông Bắc (2)                         | Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh                                         | 25,00%        | 25,00%                 | Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng                                                           |
| Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn                    | Số 79 Đoàn Như Hải, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh                                  | 20,00%        | 20,00%                 | Kho bãi, lưu giữ và vận tải hàng hóa                                                            |
| Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ (3)                  | Khu Công nghiệp Đình Vũ, phường Hải An, Thành phố Hải Phòng                                  | 24,99%        | 50,00%                 | Hoạt động lai dắt, dịch vụ kho bãi, bốc xếp hàng hóa                                            |
| Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng                  | Lô đất KB2.3 và KB 3.3, Khu Công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng     | 36,00%        | 36,00%                 | Logistics và vận tải hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.             |
| Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng)          | Lô CN2A Khu công nghiệp Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, Đặc khu Cát Hải, Thành phố Hải Phòng | 28,75%        | 37,50%                 | Kho bãi, lưu giữ và vận tải hàng hóa                                                            |
| Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng                   | Khu phố Đôn Lương, Đặc khu Cát Hải, Thành phố Hải Phòng                                      | 51,00%        | 50,00%                 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                       |

(1) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2018.

(2) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014 nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

(3) Công ty nắm giữ gián tiếp các khoản đầu tư này qua Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ - Công ty con.

*Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:*

| Tên đơn vị                                                                          | Hoạt động kinh doanh chính                         |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ - Số 05 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng. | Bốc xếp, giao nhận, vận chuyển, sửa chữa container |
| Chi nhánh Cảng Tân Vũ - KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng.          | Bốc xếp, giao nhận, vận chuyển, sửa chữa container |

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

#### **1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã được soát xét.

### **2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

#### **2.3 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (đồng) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ đồng.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này:

#### **3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.3 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

#### 3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Góp vốn liên doanh*

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được hạch toán vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

#### 3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### 3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

| <i>Loại tài sản</i>               | <i>Thời gian sử dụng (năm)</i> |
|-----------------------------------|--------------------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 40                        |
| - Máy móc, thiết bị               | 05 - 20                        |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 20                        |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 02 - 13                        |

#### 3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các phần mềm máy vi tính.

##### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 08 năm.

#### 3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là dự án 02 bến container số 3, 4 cảng cửa ngõ Lạch Huyện và các công trình khác, bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

#### 3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 - 03 năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP)

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Chi phí trả trước khác bao gồm Phí bảo hiểm được phân bổ theo hợp đồng bảo hiểm và chi phí sửa chữa tài sản, chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

#### 3.12 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 3.13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

#### 3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông và được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận.

#### 3.15 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, danh sách cổ đông được chốt chính thức và được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ dịch vụ bốc xếp, lưu kho bãi, lai dắt, hỗ trợ, kiểm đếm, giao nhận, cân hàng và dịch vụ khác.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 3.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá,...

#### 3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

##### *Thuế giá trị gia tăng (VAT)*

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

##### *Thuế khác*

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 3.19 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.19 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, các giao dịch và số dư bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                   | 30/06/2025             | 01/01/2025             |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                   | VND                    | VND                    |
| - Tiền mặt                        | 180.442.270            | 47.380.500             |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 109.798.621.257        | 48.835.041.307         |
| - Các khoản tương đương tiền      | 195.000.000.000        | 290.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>304.979.063.527</b> | <b>338.882.421.807</b> |

(\*) Tại ngày 30/06/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 4,75%/năm đến 5,6%/năm.

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|                              | 30/06/2025            | 01/01/2025            |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                              | VND                   | VND                   |
| <b>a) Ngắn hạn</b>           | <b>13.465.859.454</b> | <b>19.129.712.253</b> |
| - Phí bảo hiểm               | 2.396.624.422         | 1.603.723.954         |
| - Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 6.296.741.571         | 7.111.609.208         |
| - Chi phí sửa chữa, nạo vét  | 3.802.340.906         | 6.691.616.665         |
| - Các khoản khác             | 970.152.555           | 3.722.762.426         |
| <b>b) Dài hạn</b>            | <b>40.742.966.916</b> | <b>50.125.382.879</b> |
| - Chi phí sửa chữa           | 28.431.943.901        | 37.602.845.936        |
| - Công cụ dụng cụ xuất dùng  | 11.659.481.559        | 12.245.670.298        |
| - Các khoản khác             | 651.541.456           | 276.866.645           |
| <b>Cộng</b>                  | <b>54.208.826.370</b> | <b>69.255.095.132</b> |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

### 6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### 6.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

|                          | 30/06/2025             |                        | 01/01/2025            |                       |
|--------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                          | Giá gốc<br>VND         | Giá trị ghi sổ<br>VND  | Giá gốc<br>VND        | Giá trị ghi sổ<br>VND |
| a) Ngắn hạn              | 260.030.000.000        | 260.030.000.000        | 70.436.000.000        | 70.436.000.000        |
| - Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 260.030.000.000        | 260.030.000.000        | 70.436.000.000        | 70.436.000.000        |
| b) Dài hạn               | -                      | -                      | -                     | -                     |
| <b>Cộng</b>              | <b>260.030.000.000</b> | <b>260.030.000.000</b> | <b>70.436.000.000</b> | <b>70.436.000.000</b> |

(\*) Tại ngày 30/06/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 04 tháng đến 12 tháng có giá trị 260.030.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam và Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất từ 4,75%/năm đến 5,6%/năm.

#### 6.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

|                                                         | 30/06/2025             |                        |                       | 01/01/2025             |                        |                       |
|---------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
|                                                         | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND        | Giá trị hợp lý<br>VND | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND        | Giá trị hợp lý<br>VND |
| <b>Đầu tư vào công ty con</b>                           | <b>949.363.691.109</b> | <b>(1.634.031.180)</b> | <b>(*)</b>            | <b>945.863.691.109</b> | <b>(1.675.876.855)</b> | <b>(*)</b>            |
| - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ          | 816.000.000.000        | -                      | (*)                   | 816.000.000.000        | -                      | (*)                   |
| - Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng          | 17.501.691.109         | -                      | (*)                   | 17.501.691.109         | -                      | (*)                   |
| - Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu                      | 96.362.000.000         | -                      | (*)                   | 96.362.000.000         | -                      | (*)                   |
| - Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng        | 15.000.000.000         | (1.634.031.180)        | (*)                   | 15.000.000.000         | (1.675.876.855)        | (*)                   |
| - Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng | 4.500.000.000          | -                      | (*)                   | 1.000.000.000          | -                      | (*)                   |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**6.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP)**

|                                                                | 30/06/2025               |                         |                       | 01/01/2025               |                         |                       |
|----------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------|-----------------------|--------------------------|-------------------------|-----------------------|
|                                                                | Giá gốc<br>VND           | Dự phòng<br>VND         | Giá trị hợp lý<br>VND | Giá gốc<br>VND           | Dự phòng<br>VND         | Giá trị hợp lý<br>VND |
| <b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>                 | <b>638.087.605.644</b>   | <b>(32.462.764.681)</b> | <b>(*)</b>            | <b>131.206.037.464</b>   | <b>(16.222.788.622)</b> | <b>(*)</b>            |
| - Công ty CP Vận tải Container Đông<br>Đô - Cảng Hải Phòng (1) | 6.300.000.000            | (6.300.000.000)         | (*)                   | 6.300.000.000            | (6.300.000.000)         | (*)                   |
| - Công ty CP Logistics Cảng Sài Gòn                            | 3.000.000.000            | (407.413.304)           | (*)                   | 3.000.000.000            | (219.434.089)           | (*)                   |
| - Công ty CP Đầu tư và Thương mại<br>Hàng hải Hải Phòng        | 25.289.203.035           | -                       | (*)                   | 25.289.203.035           | (4.145.683.028)         | (*)                   |
| - Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch<br>vụ Cảng Hải Phòng       | 31.440.000.000           | -                       | (*)                   | 31.440.000.000           | -                       | (*)                   |
| - Công ty CP Vinalines Đông Bắc (2)                            | 5.518.034.429            | (5.518.034.429)         | (*)                   | 5.518.034.429            | (5.518.034.429)         | (*)                   |
| - Công ty Cổ phần HPH Logistics                                | 11.596.000.000           | -                       | (*)                   | 11.596.000.000           | -                       | (*)                   |
| - Công ty TNHH KM Cargo Services<br>Hải Phòng                  | 12.528.000.000           | -                       | (*)                   | 12.528.000.000           | -                       | (*)                   |
| - Công ty TNHH Smart Logistics<br>Service (Hải Phòng) (3)      | 70.950.600.000           | (1.048.936.694)         | (*)                   | 35.534.800.000           | (39.637.076)            | (*)                   |
| - Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL<br>Hải Phòng (4)               | 471.465.768.180          | (19.188.380.254)        | (*)                   | -                        | -                       | -                     |
| <b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>                                  | <b>2.181.131.012</b>     | <b>(361.131.012)</b>    | <b>(*)</b>            | <b>2.181.131.012</b>     | <b>(141.131.012)</b>    | <b>(*)</b>            |
| - Công ty CP VIMC Logistics                                    | 2.181.131.012            | (361.131.012)           | (*)                   | 2.181.131.012            | (141.131.012)           | (*)                   |
| <b>Cộng</b>                                                    | <b>1.589.632.427.765</b> | <b>(34.457.926.873)</b> | <b>(*)</b>            | <b>1.079.250.859.585</b> | <b>(18.039.796.489)</b> | <b>(*)</b>            |

(1) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2018.

(2) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014 nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

### 6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

#### 6.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP)

- (3) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác liên doanh số 01/HĐHTKD với SITC (HK) Limited và Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng) chuyên kinh doanh kho bãi và các dịch vụ hậu cần tại huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng với tổng mức đầu tư 20.000.000 USD (Hai mươi triệu đô la Mỹ), trong đó Công ty góp 4.000.000 USD (Bốn triệu đô la Mỹ), tương ứng 20% vốn Điều lệ. Tại thời điểm 30/06/2025, Công ty đã thực hiện 02 lần góp vốn với tổng số tiền 2.800.000 USD.
- (4) Khoản đầu tư theo Thỏa thuận thành viên ngày 02/05/2024 giữa Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng và Công ty Global Terminal Limited Sàrl về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng, trong đó tỷ lệ vốn góp là 51% và hai bên có quyền tương đương nhau trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng.
- (\*) Tại thời điểm 30/06/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

### 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

|                                                         | 30/06/2025             |                      | 01/01/2025             |                      |
|---------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
|                                                         | Giá trị<br>VND         | Dự phòng<br>VND      | Giá trị<br>VND         | Dự phòng<br>VND      |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                                      | <b>183.942.081.823</b> | <b>(148.005.000)</b> | <b>348.149.904.360</b> | <b>(103.603.500)</b> |
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i>                  | <i>14.000.000.000</i>  | -                    | -                      | -                    |
| - Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng | 14.000.000.000         | -                    | -                      | -                    |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i>                     | <i>169.942.081.823</i> | <i>(148.005.000)</i> | <i>348.149.904.360</i> | <i>(103.603.500)</i> |
| - Mitsui E&S Co., Ltd                                   | -                      | -                    | 108.086.362.479        | -                    |
| - Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân                | 93.291.151.889         | -                    | 99.860.088.449         | -                    |
| - Công ty CP MIFU                                       | 12.875.000.000         | -                    | 32.187.500.000         | -                    |
| - Các nhà cung cấp khác                                 | 63.775.929.934         | (148.005.000)        | 108.015.953.432        | (103.603.500)        |
| <b>b) Dài hạn</b>                                       | -                      | -                    | -                      | -                    |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>183.942.081.823</b> | <b>(148.005.000)</b> | <b>348.149.904.360</b> | <b>(103.603.500)</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

|                                                         | 30/06/2025             |                         | 01/01/2025             |                         |
|---------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
|                                                         | Giá trị<br>VND         | Dự phòng<br>VND         | Giá trị<br>VND         | Dự phòng<br>VND         |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                                      | <b>163.286.098.000</b> | <b>(27.252.701.579)</b> | <b>149.998.039.608</b> | <b>(27.117.418.222)</b> |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>                       | <i>25.261.574.476</i>  | <i>(4.137.654.071)</i>  | <i>20.522.102.136</i>  | <i>(4.054.540.370)</i>  |
| - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ          | 4.318.245.895          | -                       | 1.895.368.676          | -                       |
| - Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng          | 2.110.208              | -                       | 1.480.368.586          | -                       |
| - Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu                      | 1.046.625.304          | -                       | 754.954.033            | -                       |
| - Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng | 191.842.022            | -                       | 242.359.933            | -                       |
| - Công ty CP Vận tải biển Việt Nam (Vosco)              | 7.020.713.974          | -                       | 5.303.015.973          | -                       |
| - Công ty CP HPH Logistics                              | 1.478.234.802          | -                       | 4.543.659.314          | -                       |
| - Công ty CP Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng   | 3.688.685.603          | (3.688.685.603)         | 3.608.326.813          | (3.608.326.813)         |
| - Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ                          | 2.810.087.062          | -                       | 1.456.258.245          | -                       |
| - Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ                  | 588.061.026            | -                       | 167.514.480            | -                       |
| - Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam                   | 3.667.604.832          | -                       | 453.895.026            | -                       |
| - Công ty CP Vinalines Đông Bắc                         | 448.968.468            | (448.968.468)           | 446.213.557            | (446.213.557)           |
| - Công ty CP Vận tải Container VIMC                     | 395.280                | -                       | 170.167.500            | -                       |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i>                     | <i>138.024.523.524</i> | <i>(23.115.047.508)</i> | <i>129.475.937.472</i> | <i>(23.062.877.852)</i> |
| - Ocean Network Express Pte, Ltd                        | 13.217.430.496         | -                       | 15.303.393.420         | -                       |
| - Maersk Line A/S                                       | 17.191.187.070         | -                       | 26.535.437.574         | -                       |
| - Các khách hàng khác                                   | 107.615.905.958        | (23.115.047.508)        | 87.637.106.478         | (23.062.877.852)        |
| <b>b) Dài hạn</b>                                       | <b>-</b>               | <b>-</b>                | <b>-</b>               | <b>-</b>                |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>163.286.098.000</b> | <b>(27.252.701.579)</b> | <b>149.998.039.608</b> | <b>(27.117.418.222)</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**9. PHẢI THU KHÁC**

|                                                                                | 30/06/2025             |                 | 01/01/2025             |                 |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------|------------------------|-----------------|
|                                                                                | Giá trị<br>VND         | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>VND         | Dự phòng<br>VND |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                                                             | <b>340.872.050.102</b> | <b>-</b>        | <b>307.286.575.417</b> | <b>-</b>        |
| - Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia                                      | -                      | -               | 1.572.000.000          | -               |
| - Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay                                       | 2.071.425.725          | -               | 4.058.253.897          | -               |
| - Tạm ứng                                                                      | 572.473.000            | -               | 653.373.000            | -               |
| - Ký quỹ, ký cược (1)                                                          | 44.585.575.000         | -               | 43.405.000.000         | -               |
| - Phải thu tiền thuê đất trả hộ Hoàng Diệu                                     | 42.046.910.799         | -               | 37.137.625.215         | -               |
| - Khấu hao và lãi vay đối với tài sản cầu số 4, số 5 bãi container Chùa Vẽ (2) | 194.218.263.761        | -               | 194.218.263.761        | -               |
| - Phải thu giá trị dịch vụ cung cấp chưa phát hành hóa đơn                     | 4.825.946.722          | -               | 8.410.979.907          | -               |
| - Phải thu người lao động nộp bổ sung thuế TNCN                                | 685.943.490            | -               | 111.647.925            | -               |
| - Phải thu về bồi thường tổn thất                                              | 1.984.973.728          | -               | 3.123.729.174          | -               |
| - Phải thu vật tư cho mượn                                                     | 4.153.090.909          | -               | 4.153.090.909          | -               |
| - Phải thu ngắn hạn khác                                                       | 45.727.446.968         | -               | 10.442.611.629         | -               |
| <b>b) Dài hạn</b>                                                              | <b>-</b>               | <b>-</b>        | <b>-</b>               | <b>-</b>        |
| <b>Cộng</b>                                                                    | <b>340.872.050.102</b> | <b>-</b>        | <b>307.286.575.417</b> | <b>-</b>        |

(1) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 12 đến 13 tháng gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 4,7 đến 5,6%/năm, dùng để cầm cố, bảo lãnh cho các nghĩa vụ của Công ty tại các Ngân hàng này.

(2) Đây là khoản tiền đã nộp vào ngân sách Nhà nước đối với chi phí khấu hao và lãi vay trong giai đoạn từ năm 2014 đến 31/12/2018 của cầu cảng số 4, số 5 Bến cảng Chùa Vẽ. Số tiền này được nộp vào ngân sách theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại văn bản số 3910/BTC-TTr ngày 03/04/2020.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 34.1)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**10. HÀNG TỒN KHO**

|                       | 30/06/2025            |                 | 01/01/2025            |                 |
|-----------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
|                       | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 84.508.072.803        | -               | 87.126.612.659        | -               |
| Công cụ, dụng cụ      | 5.371.000.346         | -               | 4.768.506.943         | -               |
| Hàng hóa              | 580.887.082           | -               | 443.283.979           | -               |
| <b>Cộng</b>           | <b>90.459.960.231</b> | <b>-</b>        | <b>92.338.403.581</b> | <b>-</b>        |

**11. NỢ XẤU**

|                                                            | 30/06/2025            |                                  |                         | 01/01/2025            |                                  |                         |
|------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------|-------------------------|-----------------------|----------------------------------|-------------------------|
| Các khoản phải thu quá hạn thanh toán                      | Giá gốc<br>VND        | Giá trị<br>có thể thu hồi<br>VND | Dự phòng<br>VND         | Giá trị<br>VND        | Giá trị<br>có thể thu hồi<br>VND | Dự phòng<br>VND         |
| - Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu                  | 9.930.305.723         | -                                | (9.930.305.723)         | 9.930.305.723         | -                                | (9.930.305.723)         |
| - Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin             | 6.628.866.818         | -                                | (6.628.866.818)         | 6.628.866.818         | -                                | (6.628.866.818)         |
| - Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng | 3.688.685.603         | -                                | (3.688.685.603)         | 3.608.326.813         | -                                | (3.608.326.813)         |
| - Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hải Châu                 | 965.762.010           | -                                | (965.762.010)           | 965.762.010           | -                                | (965.762.010)           |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Vận tải Trọng Tín  | 915.035.424           | -                                | (915.035.424)           | 915.035.424           | -                                | (915.035.424)           |
| - Các đối tượng khác                                       | 5.272.051.001         | -                                | (5.272.051.001)         | 5.206.504.258         | 33.779.324                       | (5.172.724.934)         |
| <b>Cộng</b>                                                | <b>27.400.706.579</b> | <b>-</b>                         | <b>(27.400.706.579)</b> | <b>27.254.801.046</b> | <b>33.779.324</b>                | <b>(27.221.021.722)</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**12. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

|                                                                                                                        | 30/06/2025               | 01/01/2025               |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                                                                                                        | VND                      | VND                      |
| - Dự án đầu tư xây dựng bến container số 3 và số 4 cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại cảng Lạch Huyện, Hải Phòng) (*) | 2.961.909.971.703        | 3.154.812.152.209        |
| - Các công trình khác                                                                                                  | 19.587.346.833           | 4.413.388.998            |
| <b>Cộng</b>                                                                                                            | <b>2.981.497.318.536</b> | <b>3.159.225.541.207</b> |

(\*) Thông tin Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3, số 4 Cảng cửa ngõ Quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch huyện), thành phố Hải Phòng:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng;
- Mục đích xây dựng: Đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội của thành phố Hải Phòng;
- Địa điểm xây dựng: Khu bến Cảng Lạch Huyện thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng;
- Tổng mức đầu tư: 6.946 tỷ VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: từ năm 2020 đến năm 2025.
- Nguồn vốn đầu tư: Dự kiến vốn vay 55%, vốn chủ sở hữu 45%;
- Quy mô của dự án: Xây dựng 02 bến cho tàu đến 100.000DWT (gần 8.000 teus) với tổng chiều dài 750m, rộng 50m, Bến sà lan, dịch vụ với tổng chiều dài 250m (gồm cả 50m bề rộng của bến chính), rộng 15m cho cỡ tàu đến 3.000 DWT (gần 160 teus); Kè bảo vệ bờ; Hệ thống bãi chứa hàng, đường giao thông, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật, thiết bị đồng bộ (đáp ứng sản lượng hàng hóa thông qua 1,0 - 1,1 triệu teus/năm) trên diện tích 47ha; Các thiết bị chính phục vụ khai thác: 06 cần trục STS trên bến chính; 24 RTG; 02 xe nâng RSD; 01 xe nâng rồng; 50 đầu kéo + rơ-moóc; 01 cầu trục xường sửa chữa, 08 cần xe tại cổng cảng và phần mềm quản lý vận hành cảng TOS;

Đến thời điểm 30/06/2025, tình hình triển khai các công việc chính của dự án cụ thể như sau:

**Gói thầu EC:**

Hoàn thành toàn bộ các hạng mục của gói thầu trừ khu vực máy soi chiếu do yêu cầu của Hải quan.

**Gói thầu TB01 “Cung cấp 06 STS và 24 RTG”:**

- Hoàn thành vận chuyển thiết bị tháng 3/2025. Đã bàn giao cho đơn vị khai thác 03 STS, 08 RTG.
- Thực hiện chạy thử và chuyển giao các đợt tiếp theo (đợt 02 trong quý 3/2025).

**Hệ thống Công nghệ thông tin:**

- “Gói thầu TB06 Mua sắm phần mềm và ứng dụng quản lý, khai thác container (TOS)”: Thực hiện đào tạo trên thiết bị. Hiệu chỉnh, bổ sung theo yêu cầu
- “Gói PC: Mua sắm hàng hóa, thiết bị, phần mềm nội bộ cơ sở dữ liệu và thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin”:
  - + Thi công đường dây mạng tới các cột điện, thiết bị mới nhập.
  - + Thi công lắp đặt thiết bị tại cổng chính
  - + Hoàn thiện fix các lỗi phát sinh trong quá trình vận hành chính thức hệ thống Smartgate/checking point.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (TIẾP)**

**Các công trình còn lại ngoài EC và Hệ thống PCCC:**

Tiến độ các gói thầu XL02, XL01 cụ thể như sau:

*Gói thầu XL01:* Thi công xây dựng hệ thống cấp điện:

- Nhập thiết bị, máy phát;
- Thi công trạm T1, T5 và hệ thống hào.

*Gói thầu XL02:* Thi công, xây lắp các hạng mục công trình đường bãi nội bộ, nhà điều hành, nhà nghỉ công nhân, nhà xưởng và cầu trục xưởng, cổng tường rào, hệ thống PCCC và các hạng mục hạ tầng, phụ trợ:

- Xử lý nền: Hoàn thành Gia tải các khu vực;
- Bãi chứa hàng: Thi công các lớp cấp phối; thi công đường chạy RTG đạt khoảng 40%, gổi kê đạt khoảng 30%;
- Nhà văn phòng: Hoàn thành tháng 6/2025;
- Nhà sinh hoạt công nhân: Hoàn thành tháng 6/2025;
- Cổng phụ: Hoàn thành toàn bộ hạng mục 13/3/2025;
- Đường tạm trước cổng phụ: thi công hoàn thành từ ngày 02/3/2025;
- Tường rào trước cảng: Thi công móng trụ (lũy kế đạt khoảng 220 móng);
- Thi công nhà vệ sinh đường vào bến 3: hoàn thành tháng 2/2025;
- Thi công nhà vệ sinh đường cuối bến 4: thi công tường;
- Nhà xe 1 tầng, 2 tầng: Hoàn thành tháng 6/2025;
- Cổng chính: Thi công kết cấu mái.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                                              | Nhà cửa<br>vật kiến trúc | Máy móc<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị<br>dụng cụ<br>quản lý | Cộng                |
|----------------------------------------------|--------------------------|---------------------|---------------------------------------|--------------------------------|---------------------|
|                                              | VND                      | VND                 | VND                                   | VND                            | VND                 |
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>                            |                          |                     |                                       |                                |                     |
| 01/01/2025                                   | 1.730.552.041.313        | 79.269.433.627      | 3.096.967.554.398                     | 86.029.308.756                 | 4.992.818.338.094   |
| - Mua trong kỳ                               | 2.817.820.532            | -                   | 864.587.729.277                       | 52.900.728.374                 | 920.306.278.183     |
| - Đầu tư XDCB hoàn thành                     | 1.079.898.746.762        | -                   | -                                     | -                              | 1.079.898.746.762   |
| - Tăng do thu hồi vốn đầu tư vào Công ty con | 822.374.819              | -                   | -                                     | 208.200.000                    | 1.030.574.819       |
| - Giảm tài sản do góp vốn                    | -                        | -                   | (348.870.173.638)                     | (18.224.635.811)               | (367.094.809.449)   |
| - Giảm khác                                  | -                        | -                   | (515.697.370.454)                     | (26.440.178.465)               | (542.137.548.919)   |
| 30/06/2025                                   | 2.814.090.983.426        | 79.269.433.627      | 3.096.987.739.583                     | 94.473.422.854                 | 6.084.821.579.490   |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>                |                          |                     |                                       |                                |                     |
| 01/01/2025                                   | (958.297.858.811)        | (55.096.876.802)    | (2.342.840.006.134)                   | (51.694.884.994)               | (3.407.929.626.741) |
| - Khấu hao trong kỳ                          | (31.900.389.779)         | (1.459.767.208)     | (48.930.501.608)                      | (4.249.587.924)                | (86.540.246.519)    |
| - Tăng do thu hồi vốn đầu tư vào Công ty con | (822.374.819)            | -                   | -                                     | (14.875.998)                   | (837.250.817)       |
| - Giảm khác                                  | -                        | -                   | -                                     | 4.034.408                      | 4.034.408           |
| 30/06/2025                                   | (991.020.623.409)        | (56.556.644.010)    | (2.391.770.507.742)                   | (55.955.314.508)               | (3.495.303.089.669) |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>                       |                          |                     |                                       |                                |                     |
| 01/01/2025                                   | 772.254.182.502          | 24.172.556.825      | 754.127.548.264                       | 34.334.423.762                 | 1.584.888.711.353   |
| 30/06/2025                                   | 1.823.070.360.017        | 22.712.789.617      | 705.217.231.841                       | 38.518.108.346                 | 2.589.518.489.821   |

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 1.480.850.594.586 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 1.368.849.187.988 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

- Năm 2014, Công ty đã tạm ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình (chi tiết khoản mục Nhà cửa, vật kiến trúc) đối với cầu cảng số 04, 05 và bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng (giá trị còn lại đến ngày 30/06/2025 là 137,98 tỷ đồng). Việc tạm tăng các tài sản cố định này được thực hiện theo văn bản số 1966/VPCP-KTN ngày 25/03/2014 của Văn phòng Chính phủ.
- Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn 2, do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam và vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản nên việc quản lý, khai thác các tài sản này đang còn một số vướng mắc.
- Từ năm 2024, Công ty thực hiện tiếp tục trích khấu hao đối với Cầu cảng số 04 và số 05 bến Cảng Chùa Vẽ theo Nghị quyết số 168/NQ-CHP ngày 27/12/2024 của Hội đồng quản trị Công ty, mức trích khấu hao/năm là 8.330.437.644 đồng/năm.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 34.1)

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

|                               | Phần mềm<br>VND         | Cộng<br>VND             |
|-------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                         |                         |
| 01/01/2025                    | 37.799.350.954          | 37.799.350.954          |
| - Mua trong kỳ                | 13.932.012.377          | 13.932.012.377          |
| - Giảm tài sản do góp vốn     | (5.408.412.030)         | (5.408.412.030)         |
| - Giảm khác                   | (6.610.281.370)         | (6.610.281.370)         |
| 30/06/2025                    | <u>39.712.669.931</u>   | <u>39.712.669.931</u>   |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                         |                         |
| 01/01/2025                    | (31.422.193.970)        | (31.422.193.970)        |
| - Khấu hao trong kỳ           | (918.516.436)           | (918.516.436)           |
| 30/06/2025                    | <u>(32.340.710.406)</u> | <u>(32.340.710.406)</u> |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                         |                         |
| 01/01/2025                    | <u>6.377.156.984</u>    | <u>6.377.156.984</u>    |
| 30/06/2025                    | <u>7.371.959.525</u>    | <u>7.371.959.525</u>    |

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 27.013.470.738 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 25.496.996.738 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

|                                                                                    | 30/06/2025             |                        | 01/01/2025             |                        |
|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                                    | Giá trị                | Số có khả năng         | Giá trị                | Số có khả năng         |
|                                                                                    |                        | trả nợ                 |                        | trả nợ                 |
|                                                                                    | VND                    | VND                    | VND                    | VND                    |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                                                                 | <b>633.437.580.366</b> | <b>633.437.580.366</b> | <b>834.922.544.499</b> | <b>834.922.544.499</b> |
| <i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>                                     | <i>31.594.626.297</i>  | <i>31.594.626.297</i>  | <i>7.986.449.532</i>   | <i>7.986.449.532</i>   |
| - Công ty CP Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng                                     | 7.965.865.093          | 7.965.865.093          | 5.793.055.612          | 5.793.055.612          |
| - Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu                                                 | 3.004.345.180          | 3.004.345.180          | 725.728.306            | 725.728.306            |
| - Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng                                   | 271.910.316            | 271.910.316            | 385.284.549            | 385.284.549            |
| - Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng                            | 18.768.111.989         | 18.768.111.989         | 535.000.000            | 535.000.000            |
| - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP - Công Ty Kho Bãi VIMC Hải Phòng | 733.786.441            | 733.786.441            | 484.977.024            | 484.977.024            |
| - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ                                     | 850.607.278            | 850.607.278            | 62.404.041             | 62.404.041             |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>                                              | <i>601.842.954.069</i> | <i>601.842.954.069</i> | <i>826.936.094.967</i> | <i>826.936.094.967</i> |
| - Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân                                           | 303.760.237.783        | 303.760.237.783        | 233.385.090.260        | 233.385.090.260        |
| - MITSUI E&S CO., LTD                                                              | 122.735.816.812        | 122.735.816.812        | 534.268.317.506        | 534.268.317.506        |
| - Các nhà cung cấp khác                                                            | 175.346.899.474        | 175.346.899.474        | 59.282.687.201         | 59.282.687.201         |
| <b>b) Dài hạn</b>                                                                  | <b>-</b>               | <b>-</b>               | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>Cộng</b>                                                                        | <b>633.437.580.366</b> | <b>633.437.580.366</b> | <b>834.922.544.499</b> | <b>834.922.544.499</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

|                                                            | 30/06/2025           |                       | 01/01/2025            |                       |
|------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                            | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
|                                                            | VND                  | VND                   | VND                   | VND                   |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                                         | <b>4.994.296.701</b> | <b>4.994.296.701</b>  | <b>14.247.375.611</b> | <b>14.247.375.611</b> |
| - Công ty TNHH Hội An - Đại lý hãng Samudera Shipping Line | 247.456.568          | 247.456.568           | 8.827.647.694         | 8.827.647.694         |
| - Ocean Network Express Pte, Ltd                           | -                    | -                     | 4.181.165.640         | 4.181.165.640         |
| - Các khách hàng khác                                      | 4.746.840.133        | 4.746.840.133         | 1.238.562.277         | 1.238.562.277         |
| <b>b) Dài hạn</b>                                          | <b>-</b>             | <b>-</b>              | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| <b>Cộng</b>                                                | <b>4.994.296.701</b> | <b>4.994.296.701</b>  | <b>14.247.375.611</b> | <b>14.247.375.611</b> |

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                                   | 01/01/2025            | Số phải nộp trong kỳ   | Số đã thực nộp/khấu trừ trong kỳ | 30/06/2025             |
|-----------------------------------|-----------------------|------------------------|----------------------------------|------------------------|
|                                   | VND                   | VND                    | VND                              | VND                    |
| <b>Thuế và các khoản phải nộp</b> |                       |                        |                                  |                        |
| - Thuế giá trị gia tăng           | -                     | 136.850.006.559        | 136.850.006.559                  | -                      |
| - Thuế nhà thầu                   | -                     | 14.719.277.463         | 14.719.277.463                   | -                      |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp      | 16.450.324.431        | 71.474.236.456         | 16.450.342.431                   | 71.474.218.456         |
| - Thuế thu nhập cá nhân           | 2.125.656.689         | 12.268.538.725         | 13.308.986.025                   | 1.085.209.389          |
| - Thuế nhà đất, tiền thuê đất     | 40.405.052.636        | 14.299.952.474         | 10.440.168.500                   | 44.264.836.610         |
| - Các loại thuế và phí khác       | -                     | 55.000.000             | 55.000.000                       | -                      |
| <b>Cộng</b>                       | <b>58.981.033.756</b> | <b>249.667.011.677</b> | <b>191.823.780.978</b>           | <b>116.824.264.455</b> |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

|                                                                       | 30/06/2025               |                          | Trong kỳ                 |                        | 01/01/2025             |                        |
|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                       | Giá trị                  | Số có khả năng           | Tăng                     | Giảm                   | Giá trị                | Số có khả năng         |
|                                                                       | VND                      | trả nợ<br>VND            | VND                      | VND                    | VND                    | trả nợ<br>VND          |
| a) Vay ngắn hạn                                                       | 26.358.199.868           | 26.358.199.868           | 14.985.304.835           | 12.150.904.266         | 23.523.799.299         | 23.523.799.299         |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>                                        | 26.358.199.868           | 26.358.199.868           | 14.985.304.835           | 12.150.904.266         | 23.523.799.299         | 23.523.799.299         |
| - Vay dài hạn ODA giai đoạn II đến hạn trả (1)                        | 26.358.199.868           | 26.358.199.868           | 14.985.304.835           | 12.150.904.266         | 23.523.799.299         | 23.523.799.299         |
| b) Vay dài hạn                                                        | 1.723.113.520.337        | 1.723.113.520.337        | 1.802.696.780.949        | 560.898.734.555        | 481.315.473.943        | 481.315.473.943        |
| - Vay dài hạn ODA giai đoạn II (1)                                    | 95.754.741.082           | 95.754.741.082           | 9.920.401.992            | 12.150.904.266         | 97.985.243.356         | 97.985.243.356         |
| - Vay dài hạn ODA cầu số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ (2) | 342.110.245.728          | 342.110.245.728          | -                        | -                      | 342.110.245.728        | 342.110.245.728        |
| - Vay dài hạn ODA giai đoạn II bổ sung (2)                            | 41.219.984.859           | 41.219.984.859           | -                        | -                      | 41.219.984.859         | 41.219.984.859         |
| - Vay phục vụ xây dựng bến 3,4 Cảng Lạch Huyện (3)                    | 1.244.028.548.668        | 1.244.028.548.668        | 1.792.776.378.957        | 548.747.830.289        | -                      | -                      |
| <b>Cộng</b>                                                           | <b>1.749.471.720.205</b> | <b>1.749.471.720.205</b> | <b>1.817.682.085.784</b> | <b>573.049.638.821</b> | <b>504.839.273.242</b> | <b>504.839.273.242</b> |

- (1) Số dư vay theo hợp đồng vay số 02/2004/TDNN ngày 21/12/2004 ký giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hải Phòng và Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng), mục đích vay đầu tư thiết bị đối với dự án “Cải tạo nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II”, không có tài sản đảm bảo, lãi suất 1,3%/năm, kỳ trả gốc và lãi cuối cùng vào ngày 20/08/2029.

Tại thời điểm 30/06/2025, số dư nợ vay gốc Yên Nhật là: 705.855.150 JPY (tương đương 122.112.940.950 VND); Nợ dài hạn đến hạn trả là: 156.856.700,00 JPY (tương đương 26.358.199.868 VND).

- (2) Giá trị nhận nợ liên quan đến các tài sản là cầu cảng số 04, số 05 và bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản mục chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị được ghi nhận căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải (Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

### 18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT và Biên bản về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần được ký giữa Tổ công tác Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VNĐ (bao gồm 342,1 tỷ VNĐ là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng, và 41,2 tỷ VNĐ là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

Đến thời điểm hiện tại, phương án vay và trả nợ vay (thời hạn vay, phương án trả nợ, lãi suất vay và các điều khoản đảm bảo), cũng như đồng tiền nhận nợ (Việt Nam Đồng hay Yên Nhật) chưa được các cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt tại thời điểm nhận nợ, vì thế, Công ty tạm ghi nhận các khoản vay này bằng Việt Nam Đồng và thực hiện trích trước chi phí lãi vay cho giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến thời điểm 31/12/2019 với lãi suất 9,5%/năm, cộng thêm chi phí cho vay lại là 0,2%/năm. Trong năm 2020, theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, Công ty đã tạm dừng trích chi phí lãi vay kể từ đầu năm 2020.

Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và đồng ý chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản số 1596/CP-QHQT ngày 25/10/2004. Cụ thể, lãi suất cho vay lại bằng Yên Nhật là 1,5%/năm. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính (nếu cần thiết).

Ngày 11/11/2022, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 7642/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành yêu cầu Bộ GTVT chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng các phương án, thống nhất một phương án xử lý, quản lý khai thác cầu cảng số 4, số 5 thuộc bến cảng Chùa Vẽ, đảm bảo phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý khai thác cầu cảng và tuân thủ theo quy định của Pháp luật liên quan.

Bộ GTVT đã có văn bản số 10882/BGTVT-TC ngày 28/9/2023 gửi Bộ Tài chính tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (thay thế Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018), trong đó Bộ GTVT có đề xuất bổ sung nội dung trong điều khoản chuyển tiếp của Nghị định đề trong trường hợp đề xuất được thông qua sẽ giải quyết được hình thức quản lý tài sản, tức là tài sản bến số 4,5 Cảng Chùa Vẽ được giao cho Cảng Hải Phòng quản lý, khai thác (không phải cho thuê). Ngày 24/12/2024, Văn phòng Chính phủ đã có thông báo số 569/TB-VPCP về việc kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại cuộc họp tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ về Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Theo đó, Phó Thủ tướng thống nhất về việc không quy định xử lý chuyển tiếp trong Nghị định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hình thành từ nguồn vốn Nhà nước, đồng thời giao Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính khẩn trương báo cáo phương án xử lý.

- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2023/203183/HĐTD ngày 24/11/2023. Trong Thời Hạn Rút Vốn, tổng số dư Khoản Vay được rút và Bảo Lành/L/C được phát hành tối đa là: Ba nghìn tám trăm hai mươi tỷ ba trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm nghìn (3.820.347.800.000) đồng và không vượt quá năm mươi lăm (55) phần trăm tổng vốn đầu tư Dự Án.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

### 18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thời hạn của các Khoản Vay theo Hợp Đồng này là một trăm tám mươi (180) tháng kể từ ngày tiếp theo Ngày Giải Ngân Đầu Tiên, trong đó thời gian ân hạn (nợ gốc) đối với các Khoản Vay là ba mươi sáu (36) tháng kể từ Ngày Giải Ngân Đầu Tiên (“Thời Gian Ân Hạn”) và thời hạn rút vốn là ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày ký Hợp Đồng này (“Thời Hạn Rút Vốn”). Lãi suất là lãi suất thả nổi, điều chỉnh sáu (6) tháng/lần được xác định bằng Lãi suất tiết kiệm dân cư 12 tháng trả lãi cuối kỳ bình quân của 4 NHTMNN (BIDV, VCB, Vietinbank, Agribank) + biên độ 1,2%/năm vào năm đầu tiên, 2,0%/năm vào 02 năm tiếp theo, 2,2%/năm vào năm thứ 4 trở đi. Lãi vay trả hàng quý. Các Khoản Vay/Bảo Lãnh/L/C sẽ được sử dụng để tài trợ các chi phí hợp lý (bao gồm lãi vay trong thời gian đầu tư được tính trong tổng mức đầu tư của Dự Án) đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng.

Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng đảm bảo sau:

- + Thửa đất có diện tích 436.460m<sup>2</sup> tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng (nay là phường Đông Hải, TP. Hải Phòng). Mục đích xây dựng Cảng Đình Vũ giai đoạn 2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB353850, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: CT00622 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 10/04/2012 cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng.
- + Thửa đất có diện tích 4.083,2m<sup>2</sup> tại số 8A Trần Phú phường Máy Tơ – Ngô Quyền – Hải Phòng (nay là phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng). Mục đích xây dựng trụ sở làm việc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI201410, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: T00279 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/10/2007 cho Cảng Hải Phòng.

### 19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

|                       | 30/06/2025      | 01/01/2025      |
|-----------------------|-----------------|-----------------|
|                       | VND             | VND             |
| a) Ngắn hạn           | 228.203.420.089 | 225.263.830.200 |
| - Chi phí lãi vay (*) | 226.497.539.981 | 225.176.796.200 |
| - Các khoản khác      | 1.705.880.108   | 87.034.000      |
| b) Dài hạn            | -               | -               |
| Cộng                  | 228.203.420.089 | 225.263.830.200 |

(\*) Chi phí lãi vay của khoản vay ODA cho cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ và khoản vay gói thiết bị ODA giai đoạn 2 bổ sung. Tại ngày 30/6/2025, Công ty tạm dừng trích chi phí lãi vay ODA cho cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ, chi phí lãi vay phải trả tạm tính trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2019 là 182.515.816.097 VND.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 34.1).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

|                                             | 30/06/2025            | 01/01/2025             |
|---------------------------------------------|-----------------------|------------------------|
|                                             | VND                   | VND                    |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                          | <b>97.992.445.758</b> | <b>107.464.502.225</b> |
| - Kinh phí công đoàn                        | 2.287.210.807         | 2.028.052.395          |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả                | 181.510.000           | 203.170.000            |
| - Tiền ăn ca và phụ cấp độc hại             | 416.200.000           | 9.809.643.450          |
| - Chi phí đền bù di dời Cảng Hoàng Diệu (*) | 94.194.174.040        | 94.020.613.821         |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác         | 913.350.911           | 1.403.022.559          |
| <b>b) Dài hạn</b>                           | -                     | -                      |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>97.992.445.758</b> | <b>107.464.502.225</b> |

(\*) Căn cứ các Quyết định, số 3983/QĐ-UBND và 3984/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND Quận Ngô Quyền về việc thu hồi đất; Quyết định số 3982/QĐ-UBND ngày 22/12/2023, 4274/QĐ-UBND ngày 28/12/2023, 347/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của UBND Quận Ngô Quyền về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Đến 30/06/2025, UBND Quận Ngô Quyền thực hiện chi trả cho Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng số tiền 331.269.792.422 đồng để Công ty đảm bảo thực hiện việc di dời cảng Hoàng Diệu, trong đó số tiền đền bù di dời tài sản là 94.435.813.821 đồng. Tại ngày 30/06/2025, số dư khoản chi phí đền bù di dời Cảng Hoàng Diệu là 94.194.174.040 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

| Khoản mục                        | Vốn đầu tư của<br>chủ sở hữu<br>VND | Quỹ đầu tư<br>phát triển<br>VND | Lợi nhuận<br>sau thuế<br>VND | Tổng cộng<br>VND         |
|----------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------|------------------------------|--------------------------|
| <b>01/01/2024</b>                | <b>3.269.600.000.000</b>            | <b>1.153.754.634.684</b>        | <b>567.146.147.859</b>       | <b>4.990.500.782.543</b> |
| - Lãi trong năm trước            | -                                   | -                               | 642.427.050.347              | 642.427.050.347          |
| - Phân phối lợi nhuận            | -                                   | 366.555.708.253                 | (553.678.708.253)            | (187.123.000.000)        |
| + Trích quỹ đầu tư phát triển    | -                                   | 366.555.708.253                 | (366.555.708.253)            | -                        |
| + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | -                                   | -                               | (56.339.000.000)             | (56.339.000.000)         |
| + Chia cổ tức                    | -                                   | -                               | (130.784.000.000)            | (130.784.000.000)        |
| <b>30/06/2024</b>                | <b>3.269.600.000.000</b>            | <b>1.520.310.342.937</b>        | <b>655.894.489.953</b>       | <b>5.445.804.832.890</b> |
| <b>01/01/2025</b>                | <b>3.269.600.000.000</b>            | <b>1.520.310.342.937</b>        | <b>655.894.489.953</b>       | <b>5.445.804.832.890</b> |
| - Lãi trong kỳ này               | -                                   | -                               | 463.792.388.731              | 463.792.388.731          |
| - Phân phối lợi nhuận (*)        | -                                   | 299.032.301.097                 | (370.559.301.097)            | (71.527.000.000)         |
| + Trích quỹ đầu tư phát triển    | -                                   | 299.032.301.097                 | (299.032.301.097)            | -                        |
| + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | -                                   | -                               | (71.527.000.000)             | (71.527.000.000)         |
| <b>30/06/2025</b>                | <b>3.269.600.000.000</b>            | <b>1.819.342.644.034</b>        | <b>749.127.577.587</b>       | <b>5.838.070.221.621</b> |

(\*) Phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/04/2025 của Công ty CP Cảng Hải Phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**21.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

|                                         | Tỷ lệ<br>(%)  | 30/06/2025<br>VND        | Tỷ lệ<br>(%)  | 01/01/2025<br>VND        |
|-----------------------------------------|---------------|--------------------------|---------------|--------------------------|
| - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP | 92,56         | 3.026.413.770.000        | 92,56         | 3.026.413.770.000        |
| - Vốn góp của các cổ đông khác          | 7,44          | 243.186.230.000          | 7,44          | 243.186.230.000          |
| <b>Cộng</b>                             | <b>100,00</b> | <b>3.269.600.000.000</b> | <b>100,00</b> | <b>3.269.600.000.000</b> |

**21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

|                             | Từ 01/01/2025<br>đến 30/06/2025<br>VND | Từ 01/01/2024<br>đến 30/06/2024<br>VND |
|-----------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu   |                                        |                                        |
| + Vốn góp đầu kỳ            | 3.269.600.000.000                      | 3.269.600.000.000                      |
| + Vốn góp tăng trong kỳ     | -                                      | -                                      |
| + Vốn góp giảm trong kỳ     | -                                      | -                                      |
| + Vốn góp cuối kỳ           | 3.269.600.000.000                      | 3.269.600.000.000                      |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | -                                      | 130.784.000.000                        |

**21.4 CỔ PHIẾU**

|                                        | 30/06/2025<br>CP | 01/01/2025<br>CP |
|----------------------------------------|------------------|------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 326.960.000      | 326.960.000      |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 326.960.000      | 326.960.000      |
| + Cổ phiếu phổ thông                   | 326.960.000      | 326.960.000      |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 326.960.000      | 326.960.000      |
| + Cổ phiếu phổ thông                   | 326.960.000      | 326.960.000      |
| Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)       | 10.000           | 10.000           |

**21.5 CÁC QUỸ**

|                       | 30/06/2025<br>VND | 01/01/2025<br>VND |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 1.819.342.644.034 | 1.520.310.342.937 |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Tài sản thuê ngoài:**

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 8A đường Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng (nay là số 8A đường Trần Phú, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng) để sử dụng làm văn phòng Công ty từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 4.083,2 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao đất theo quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 22/10/2007 tại số 23 đường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng (nay là số 23, đường Lương Khánh Thiện, phường Gia Viên, TP. Hải Phòng) để sử dụng với mục đích làm trụ sở Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng để phục vụ kiểm tra khám sức khỏe cho cán bộ nhân viên. Diện tích khu đất là 1.022 m<sup>2</sup>. Thửa đất này không phải nộp tiền thuê đất hàng năm do phục vụ công ích.
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 15 đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm kho bãi từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 6.472,7 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao thửa đất tại lô 15, đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Lâm, quận Hải An, TP. Hải Phòng (nay là lô 15, đường Lê Hồng Phong, phường Hải An, TP. Hải Phòng) theo Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 12/07/2010 để sử dụng với mục đích làm văn phòng. Diện tích khu đất là 777 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Khu đất số 5 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải I, quận Hải An (nay là số 05 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải), là địa chỉ Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ, diện tích sử dụng là: 236.820,2 m<sup>2</sup>. Khu đất này Công ty đang đầu tư xây dựng để khai thác hàng Container, hiện nay đã xây tường bao xung quanh, không có sự tranh chấp, sử dụng đúng mục đích chấp hành tốt quy định về luật đất đai.
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 5 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng (nay là số 5 Cù Chính Lan, phường Hồng Bàng, TP. Hải Phòng) để sử dụng trụ sở Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng) từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 1.225,4 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại KCN Đình Vũ giai đoạn II, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP. Hải Phòng (nay là KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, TP. Hải Phòng) để sử dụng làm Chi nhánh Cảng Tân Vũ theo Giấy chứng nhận số: BB 538580 cấp ngày 10/4/2012. Diện tích khu đất thuê là 436.460 m<sup>2</sup>. Khu đất trên nằm trong khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải và được ưu đãi tiền thuê đất.
- Khu đất tại KCN Đình Vũ giai đoạn III, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP. Hải Phòng (nay là KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, TP. Hải Phòng) với diện tích là 74.244,3 m<sup>2</sup>. Theo thông báo số 220/TB-UBND ngày 25/06/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cảng Đình Vũ giai đoạn III, hiện nay Công ty đang trình Sở Tài nguyên và Môi trường hồ sơ để báo cáo UBND Thành phố Hải Phòng ra quyết định giao đất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)**

**b) Ngoại tệ các loại:**

|                 | 30/06/2025 | 01/01/2025 |
|-----------------|------------|------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 35.797,58  | 519.023,13 |
| Yên Nhật (JPY)  | 1.593,00   | 1.593,00   |

**c) Nợ khó đòi đã xử lý:**

|                                                 | 30/06/2025    | 01/01/2025    |
|-------------------------------------------------|---------------|---------------|
| Xử lý nợ theo các quyết định và nghị quyết HĐQT | 2.478.245.025 | 2.478.245.025 |

**23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|                               | Từ 01/01/2025<br>đến 30/06/2025<br>VND | Từ 01/01/2024<br>đến 30/06/2024<br>VND |
|-------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| a) Doanh thu cung cấp dịch vụ | 803.762.534.678                        | 654.321.446.705                        |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ  | 803.762.534.678                        | 654.321.446.705                        |
| Cộng                          | 803.762.534.678                        | 654.321.446.705                        |

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 34.2

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|                                   | Từ 01/01/2025<br>đến 30/06/2025<br>VND | Từ 01/01/2024<br>đến 30/06/2024<br>VND |
|-----------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| - Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 475.000.510.877                        | 414.255.361.991                        |
| Cộng                              | 475.000.510.877                        | 414.255.361.991                        |

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                                                          | Từ 01/01/2025<br>đến 30/06/2025<br>VND | Từ 01/01/2024<br>đến 30/06/2024<br>VND |
|----------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay                             | 7.227.487.157                          | 15.044.249.436                         |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia                            | 180.008.026.254                        | 99.844.138.260                         |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ               | 4.512.571.631                          | 12.190.831.492                         |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ             | -                                      | 13.822.072.784                         |
| - Lãi bán hàng trả chậm (trả góp), chiết khấu thanh toán | 79.274.700                             | -                                      |
| Cộng                                                     | 191.827.359.742                        | 140.901.291.972                        |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                                           | <b>Từ 01/01/2025<br/>đến 30/06/2025</b> | <b>Từ 01/01/2024<br/>đến 30/06/2024</b> |
|-------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
|                                           | <b>VND</b>                              | <b>VND</b>                              |
| - Chi phí lãi vay                         | 2.295.124.529                           | 3.013.666.250                           |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ | 1.589.680.017                           | 7.603.413.706                           |
| - Dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn        | 16.418.130.384                          | 2.545.440.474                           |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá cuối kỳ            | 12.908.050.492                          | -                                       |
| <b>Cộng</b>                               | <b>33.210.985.422</b>                   | <b>13.162.520.430</b>                   |

**27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                                    | <b>Từ 01/01/2025<br/>đến 30/06/2025</b> | <b>Từ 01/01/2024<br/>đến 30/06/2024</b> |
|------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
|                                    | <b>VND</b>                              | <b>VND</b>                              |
| - Chi phí nhân viên quản lý        | 29.582.177.057                          | 22.058.732.718                          |
| - Chi phí đồ dùng văn phòng        | 370.644.400                             | 365.026.798                             |
| - Chi phí khấu hao Tài sản cố định | 2.449.540.721                           | 2.280.131.002                           |
| - Chi phí dự phòng                 | 179.684.857                             | 373.807.334                             |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 2.583.467.968                           | 1.650.991.361                           |
| - Chi phí bằng tiền khác           | 16.014.164.727                          | 9.489.785.822                           |
| <b>Cộng</b>                        | <b>51.179.679.730</b>                   | <b>36.218.475.035</b>                   |

**28. THU NHẬP KHÁC**

|                                                  | <b>Từ 01/01/2025<br/>đến 30/06/2025</b> | <b>Từ 01/01/2024<br/>đến 30/06/2024</b> |
|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
|                                                  | <b>VND</b>                              | <b>VND</b>                              |
| - Chênh lệch do đánh giá giá trị tài sản góp vốn | 97.759.616.896                          | -                                       |
| - Thu nhập từ bồi thường                         | 79.544.557                              | 107.700.000                             |
| - Tiền điện nước cho thuê ngoài                  | 641.387.084                             | 611.490.430                             |
| - Các khoản khác                                 | 207.788.516                             | 57.344.391                              |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>98.688.337.053</b>                   | <b>776.534.821</b>                      |

**29. CHI PHÍ KHÁC**

|                          | <b>Từ 01/01/2025<br/>đến 30/06/2025</b> | <b>Từ 01/01/2024<br/>đến 30/06/2024</b> |
|--------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
|                          | <b>VND</b>                              | <b>VND</b>                              |
| - Các khoản chi phí khác | 20.264.111                              | 178.445.687                             |
| <b>Cộng</b>              | <b>20.264.111</b>                       | <b>178.445.687</b>                      |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                             | Từ 01/01/2025<br>đến 30/06/2025<br>VND | Từ 01/01/2024<br>đến 30/06/2024<br>VND |
|-----------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| - Chi phí nguyên vật liệu   | 64.801.451.136                         | 64.458.487.272                         |
| - Chi phí nhân công         | 225.741.270.240                        | 206.105.017.112                        |
| - Khấu hao tài sản cố định  | 87.458.762.955                         | 72.948.080.095                         |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 52.213.655.784                         | 48.844.766.113                         |
| - Chi phí bằng tiền khác    | 95.965.050.492                         | 58.117.486.434                         |
| <b>Cộng</b>                 | <b>526.180.190.607</b>                 | <b>450.473.837.026</b>                 |

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|                                                    | Từ 01/01/2025<br>đến 30/06/2025<br>VND | Từ 01/01/2024<br>đến 30/06/2024<br>VND |
|----------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>           | <b>534.866.791.333</b>                 | <b>332.184.470.355</b>                 |
| <b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>       | <b>2.512.417.199</b>                   | <b>1.999.169.268</b>                   |
| - Điều chỉnh tăng phần trích trước lãi vay vốn ODA | 1.999.169.268                          | 1.999.169.268                          |
| - Thù lao HĐQT, BKS không kiêm nhiệm               | 360.000.000                            | -                                      |
| - Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ                    | 153.247.931                            | -                                      |
| <b>Các khoản thu nhập không chịu thuế thu</b>      | <b>180.008.026.254</b>                 | <b>98.629.813.909</b>                  |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện             | -                                      | 356.983.969                            |
| - Cổ tức lợi nhuận được chia                       | 180.008.026.254                        | 98.272.829.940                         |
| <b>Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>            | <b>357.371.182.278</b>                 | <b>235.553.825.714</b>                 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành     | 20%                                    | 20%                                    |
| <b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>                 | <b>71.474.236.456</b>                  | <b>47.110.765.143</b>                  |
| <b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>     | <b>71.474.236.456</b>                  | <b>47.110.765.143</b>                  |

**32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

**32.1. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

|                                                                                                                                                         | 30/06/2025<br>VND     | 01/01/2025<br>VND     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>                                                                                                                   |                       |                       |
| - Giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại                                                                                                                    | 77.166.417.715        | 75.167.248.445        |
| - Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại                                                                        | 20%                   | 20%                   |
| <b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng (Chi phí lãi vay ODA cầu số 4, số 5, bãi container và gói thiết bị)</b> | <b>15.433.283.543</b> | <b>15.033.449.689</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI (TIẾP)**

**32.2. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

|                                                                                                               | <b>Từ 01/01/2025<br/>đến 30/06/2025<br/>VND</b> | <b>Từ 01/01/2024<br/>đến 30/06/2024<br/>VND</b> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| - Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại<br>phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời<br>được khấu trừ | (399.833.854)                                   | (399.833.854)                                   |

**33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

**34. THÔNG TIN KHÁC**

**34.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC**

Cầu cảng số 04 và số 05 bến cảng Chùa vẽ là các hạng mục thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp cảng Hải Phòng giai đoạn II do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quyết định số 29/QĐ-TTg ngày 09/01/1999:

**Chủ đầu tư:** Bộ Giao thông Vận tải

**Nguồn vốn đầu tư:** vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ

- Ngày 25/03/2014, Thủ tướng Chính phủ có văn bản số 1966/TTg-KTN giao cho Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo, hướng dẫn Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) thực hiện việc hạch toán tăng tài sản đối với giá trị của các cầu cảng số 4 và số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ (các Cầu cảng) theo quy định của pháp luật.
- Ngày 25/11/2015, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định số 4196/QĐ - BGTVT về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn II và yêu cầu Công ty hoàn thành thủ tục vay đối với giá trị quyết toán của hai công trình nêu trên là 342,1 tỷ VND.
- Bên cạnh đó, Bộ Giao thông vận tải cũng giao cho Công ty báo cáo Bộ Tài chính về việc vay lại giá trị phần chi phí khác được phân bổ cho gói thiết bị của dự án với số tiền là 55,3 tỷ VND.
- Tuy nhiên, Công ty đã có văn bản báo cáo Bộ Tài chính về giá trị 55,3 tỷ VND này đã bao gồm tiền lãi vay vốn cho gói thiết bị là 14,1 tỷ VND. Công ty đã trả số tiền lãi này và đã có xác nhận của Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Hải Phòng số 425/TB-NHPT.HPH.TD3 ngày 16/11/2010. Do đó, Công ty chỉ ghi nhận chi phí khác cho gói thiết bị là: 41,14 tỷ VND.
- Theo đó, Công ty tạm ghi nhận giá trị của 02 cầu Cảng số 04, 05, bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt tại ngày 30/6/2025 là 279,7 tỷ VND và 137,98 tỷ VND căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ - BGTVT ngày 25/11/2015 của Bộ Giao thông Vận tải.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

### 34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

#### 34.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC (TIẾP)

- Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2015 và Biên bản "Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần" được ký giữa Tổ công tác Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VND (bao gồm 342,1 tỷ VND là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng số 04, 05, bãi container cảng Chùa Vẽ và 41,2 tỷ VND là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

#### Các khoản phải thu, phải trả phát sinh từ dự án

- Theo các văn bản: Kết luận số 1134/KL-TTr ngày 06/12/2019 của Đoàn thanh tra Bộ Tài chính tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam; văn bản số 3910/BTC-TTr ngày 03/4/2020 của Bộ Tài chính về việc xử lý tạm nộp tiền khấu hao, trích trước lãi vay tài sản cầu cảng số 4, số 5 và bãi container Cảng Hải Phòng thì: Cảng Hải Phòng phải nộp đủ số tiền khấu hao và tạm trích trước chi phí lãi vay của tài sản cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ từ thời điểm 01/7/2014 đến 31/12/2018 là 194.218.263.761 VND (trong đó tiền khấu hao là 44.887.141.500 VND và tạm trích trước chi phí lãi vay là 149.331.122.261 VND).
- Công ty đã tạm nộp các khoản trên vào ngân sách Nhà nước và hạch toán vào:
  - + Phải thu khác đối với giá trị khấu hao của các tài sản này trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 số tiền là: 44.887.141.500 VND.
  - + Giảm số trích trước chi phí phải trả đối chi phí lãi vay tạm trích với tổng số tiền là: 149.331.122.261 VND.
  - + Theo thông báo số 1101/TB-KTNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán Nhà Nước cho báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty, theo đó Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố Báo cáo Tài chính năm 2021 theo đó tăng số trích trước chi phí phải trả đối với chi phí lãi vay tạm trích với tổng số tiền là: 149.331.122.261 VND và tăng Phải thu khác tương ứng.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 9 – Phải thu khác)

#### Cơ chế quản lý vận hành dự án và phương án trả nợ

- Thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Hàng Hải, Công ty đã lập và trình phương án vay, trả nợ cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với thời hạn 5 năm từ 2016 đến 2020. Phương án này đã được Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Hàng hải chấp thuận, chuyển Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

### 34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

#### 34.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC (TIẾP)

- Sau nhiều lần làm việc giữa các bên, ngày 23/7/2018, Bộ Tài chính đã có văn bản số 8715/BTC-QLN trình Thủ tướng Chính phủ về việc hạch toán tăng tài sản và phương án vay, trả cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ. Trong đó có kiến nghị rà soát các quy định của pháp luật trong việc cho Cảng Hải phòng vay, trả nợ (chuyển giao tài sản công sang tài sản doanh nghiệp).
- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018, Bộ Giao thông Vận tải đã có văn bản số 638/TB-BGTVT ngày 05/12/2018 chỉ đạo Cảng Hải Phòng xây dựng phương án thuê khai thác cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ.
- Theo đó, Công ty đã xây dựng phương án thuê khai thác các tài sản này như sau:
  - + Thời điểm trước ngày 1/7/2014 (trước thời điểm cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng): cầu cảng số 04,05 và bãi container được giao cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng (doanh nghiệp nhà nước) quản lý khai thác.
  - + Thời điểm từ ngày 1/7/2014 đến 31/12/2019: Cho phép chỉ định Công ty Cổ phần Cảng Hải phòng thuê quản lý, khai thác cầu cảng số 04,05 và bãi container. Giá cho thuê theo quyết định của Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính phê duyệt.
  - + Thời điểm từ ngày 01/01/2020 trở đi: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 43/2018/NĐ-CP, thực hiện đấu giá cho thuê khai thác tài sản, kết cấu hạ tầng tại cầu cảng số 04,05 và bãi container do Nhà nước đầu tư.
- Ngày 20/02/2020, Bộ Giao thông Vận tải đã có thông báo số 56/TB-BGTVT thông báo kết luận về phương án quản lý, khai thác cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ. Hiện nay, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông - Bộ Giao thông vận tải đang thực hiện các thủ tục báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Do đó, Công ty đã dừng trích khấu hao đối với các tài sản cố định thuộc dự án này và dừng ghi nhận lãi vay tương ứng để chờ quyết định chính thức của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.
- Ngày 28/10/2020, Bộ Giao thông vận tải đã có văn bản số 10855/BGTVT-KCHT gửi Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về việc báo cáo về hạch toán tăng tài sản và xây dựng phương án trả nợ vay, lãi vay đối với giá trị các cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng.
- Sau khi nhận được văn bản số 765/CV-CHP ngày 18/03/2022 của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, ngày 29/03/2022, Bộ Giao thông vận tải đã có công văn số 2982/BGTVT-KCHT thông báo về việc Bộ Giao thông vận tải đã có các văn bản số 6114/BGTVT-KCHT ngày 28/06/2021, văn bản số 2426/BGTVT-KCHT ngày 15/03/2022 gửi Văn phòng Chính phủ đề nghị sớm tham mưu báo cáo Chính phủ Thủ tướng Chính phủ xem xét chỉ đạo về phương án trả nợ cầu cảng số 04, số 05 Cảng Chùa Vẽ theo các nội dung báo cáo tại văn bản số 10855/BGTVT-KCHT ngày 28/10/2020. Sau khi được Chính phủ cho ý kiến, Bộ Giao thông vận tải sẽ phối hợp với các cơ quan tổ chức liên quan để triển khai thực hiện theo quy định.
- Ngày 11/11/2022, Văn phòng Chính phủ ban hành văn bản số 7642/VPCP-CN yêu cầu Bộ Giao thông Vận tải chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng các phương án, thống nhất một phương án xử lý, quản lý khai thác cầu cảng số 4, số 5 thuộc bến cảng Chùa Vẽ, bảo đảm phù hợp thực trạng tài sản, điều kiện quản lý khai thác các cầu Cảng và tuân thủ theo quy định Pháp luật liên quan.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

### 34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

#### 34.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC (TIẾP)

- Ngày 08/6/2023, Cảng Hải Phòng đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải nội dung liên quan đến cầu cảng số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ, làm cơ sở để Bộ Giao thông vận tải làm việc, thống nhất phương án xử lý với Bộ Tài chính. Theo đó Cảng Hải Phòng đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 4, số 5 bến cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.
- Ngày 17/11/2023, Cảng Hải Phòng đã có văn bản số 3939/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải, nội dung chính cụ thể:
  - + Cảng Hải Phòng đã có những buổi làm việc, phân tích cơ sở, tính khả thi và báo cáo đề xuất các Vụ, Cục thuộc Bộ Giao thông Vận Tải, Bộ Tài chính xem xét thống nhất phương án tăng tài sản cầu số 4, 5 bến cảng Chùa Vẽ tại doanh nghiệp như đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013, đồng thời tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
  - + Phương án xử lý phần chi phí khác phân bổ cho gói thiết bị cũng chưa được Bộ Tài chính xem xét xử lý do phải thực hiện sau khi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo về phương án quản lý, khai thác cầu cảng số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ.
- Bộ Giao thông vận tải đã thống nhất chủ trương trình Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ phương án giao tài sản bến số 4,5 Cảng Chùa Vẽ cho Cảng Hải Phòng quản lý, khai thác. Tuy nhiên, Vụ Kết cấu hạ tầng có trao đổi phương án báo cáo đề xuất Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ phê duyệt riêng cho trường hợp của Cảng Hải Phòng là không khả thi do nội dung trình/duyet trái với nội dung quy định tại Nghị định 21/2012/NĐ-CP ngày 21/3/2012: “Đối với kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng được đưa vào khai thác, sử dụng trước ngày 01 tháng 9 năm 2006 do Thủ tướng Chính phủ quyết định” và “Đối với kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng đưa vào khai thác, sử dụng từ ngày 01 tháng 9 năm 2006 trở đi được thực hiện cho thuê khai thác theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của Pháp luật.”. Vì vậy, việc sửa đổi Nghị định là điều kiện tiên quyết để có thể giải quyết được đề xuất của Cảng Hải Phòng.
- Năm 2023, Bộ Tài chính tiến hành xin ý kiến các cơ quan liên quan để sửa đổi Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.
- Bộ Giao thông vận tải đã có văn bản số 10882/BGTVT-TC ngày 28/9/2023 gửi Bộ Tài chính tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (thay thế Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018). Trong đó, Bộ Giao thông vận tải có đề xuất bổ sung nội dung trong điều khoản chuyển tiếp của Nghị định để trong trường hợp đề xuất được thông qua sẽ giải quyết được hình thức quản lý tài sản, tức là tài sản bến số 4,5 Cảng Chùa Vẽ được giao cho Cảng Hải Phòng quản lý, khai thác (không phải cho thuê).
- Ngày 24/12/2024, Văn phòng Chính phủ đã có thông báo số 569/TB-VPCP về việc kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại cuộc họp tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ về Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.
- Theo đó, Phó Thủ tướng thống nhất về việc không quy định xử lý chuyển tiếp trong Nghị định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hình thành từ nguồn vốn Nhà nước, đồng thời giao Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính khẩn trương báo cáo phương án xử lý.
- Khi có sự phê duyệt chính thức của các cấp có thẩm quyền về phương án quản lý khai thác đối với tài sản Cầu số 4, số 5, Bãi container Chùa Vẽ và gói thiết bị, Cảng Hải Phòng sẽ có trách nhiệm cập nhật lại số liệu báo cáo tài chính.
- Đến thời điểm 30/06/2025, các vấn đề trên vẫn chưa được giải quyết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**34.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

| <b>Bên liên quan</b>                                                                             | <b>Mối quan hệ</b>                                |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ                                                   | Công ty con                                       |
| - Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng                                                   | Công ty con                                       |
| - Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu                                                               | Công ty con                                       |
| - Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng                                          | Công ty con                                       |
| - Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng                                                 | Công ty con                                       |
| - Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP                    | Cùng Công ty mẹ                                   |
| - Công ty CP Vận tải biển Việt Nam                                                               | Cùng Công ty mẹ                                   |
| - Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam                                                            | Cùng Công ty mẹ                                   |
| - Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam                                                      | Cùng Công ty mẹ                                   |
| - CN Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP - Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng                      | Cùng Công ty mẹ                                   |
| - Ban quản lý dự án chuyên ngành hàng hải VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP | Cùng Công ty mẹ                                   |
| - Công ty CP VIMC Logistics                                                                      | Cùng Công ty mẹ                                   |
| - Công ty CP Vận tải container VIMC                                                              | Cùng Công ty mẹ                                   |
| - Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao                                                        | Cùng Công ty mẹ                                   |
| - Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật - Việt                                                       | Công ty liên kết với Công ty mẹ                   |
| - Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ                                                             | Công ty liên kết                                  |
| - Công ty CP HPH Logistics                                                                       | Công ty liên kết                                  |
| - Công ty CP Phát triển Hàng hải                                                                 | Công ty con của Công ty CP Vận tải container VIMC |
| - Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ                                                                   | Công ty con của Công ty CP Vận tải container VIMC |
| - CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Quảng Ninh                            | Chi nhánh Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam     |
| - CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Hải Phòng                             | Chi nhánh Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam     |
| - CN Công ty CP Hàng hải Đông Đô tại Hải Phòng                                                   | Chi nhánh của Công ty liên kết với Công ty mẹ     |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**34.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

*Thù lao Hội đồng quản trị, tiền lương Ban Giám đốc và các thành viên chủ chốt khác*

|                                  |                                                 | Từ 01/01/2025<br>đến 30/06/2025<br>VND | Từ 01/01/2024<br>đến 30/06/2024<br>VND |
|----------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| <b>Thù lao Hội đồng quản trị</b> |                                                 | <b>1.080.000.000</b>                   | <b>650.000.000</b>                     |
| - Ông Phạm Hồng Minh             | Chủ tịch HĐQT                                   | -                                      | -                                      |
| - Ông Nguyễn Tường Anh           | Thành viên HĐQT,<br>Tổng Giám đốc               | 180.000.000                            | 120.000.000                            |
| - Ông Lương Đình Minh            | Thành viên HĐQT<br>(Miễn nhiệm từ 15/04/2024)   | -                                      | 70.000.000                             |
| - Bà Đỗ Thị Thanh Thủy           | Thành viên HĐQT<br>(Miễn nhiệm từ 15/04/2024)   | -                                      | 70.000.000                             |
| - Ông Đinh Văn Thạch             | Thành viên HĐQT<br>(Miễn nhiệm từ 15/04/2024)   | -                                      | 70.000.000                             |
| - Ông Nguyễn Cảnh Bình           | Thành viên HĐQT<br>(Miễn nhiệm từ 15/04/2024)   | -                                      | 70.000.000                             |
| - Bà Nguyễn Thị Yến              | Thành viên HĐQT                                 | 180.000.000                            | 50.000.000                             |
| - Bà Trịnh Thị Ngọc Biển         | Thành viên HĐQT<br>(Miễn nhiệm ngày 29/04/2025) | 120.000.000                            | 50.000.000                             |
| - Ông Lê Đông                    | Thành viên HĐQT                                 | 180.000.000                            | 50.000.000                             |
| - Ông Vũ Đức Biên                | Thành viên HĐQT                                 | 180.000.000                            | 50.000.000                             |
| - Ông Đỗ Vũ Linh                 | Thành viên HĐQT<br>(Miễn nhiệm ngày 29/04/2025) | 120.000.000                            | 50.000.000                             |
| - Ông Lý Quang Thái              | Thành viên HĐQT<br>(Bổ nhiệm từ 29/04/2025)     | 60.000.000                             | -                                      |
| - Bà Lê Thị Ngọc Dung            | Thành viên HĐQT<br>(Bổ nhiệm từ 29/04/2025)     | 60.000.000                             | -                                      |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**34.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

|                                                           |                                                   |                      |                      |
|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Thù lao Ban Kiểm soát</b>                              |                                                   | <b>180.000.000</b>   | <b>120.000.000</b>   |
| - Bà Trần Thị Thanh Hải                                   | Trưởng Ban Kiểm soát                              | -                    | -                    |
| - Ông Đồng Xuân Khanh                                     | Thành viên BKS                                    | 60.000.000           | 60.000.000           |
| - Ông Nguyễn Tuấn Anh                                     | Thành viên BKS<br>(Bổ nhiệm từ 29/04/2025)        | 30.000.000           | -                    |
| - Bà Nguyễn Thị Hằng                                      | Thành viên BKS                                    | 90.000.000           | 60.000.000           |
| <b>Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác</b> |                                                   | <b>4.031.576.119</b> | <b>3.217.903.497</b> |
| - Ông Phạm Hồng Minh                                      | Chủ tịch HĐQT                                     | 851.123.070          | 559.893.662          |
| - Ông Nguyễn Văn Dũng                                     | Thành viên HĐQT<br>(Miễn nhiệm từ 15/04/2024)     | -                    | 210.547.650          |
| - Ông Nguyễn Tường Anh                                    | Thành viên HĐQT,<br>Tổng Giám đốc                 | 836.393.806          | 550.858.574          |
| - Ông Chu Minh Hoàng                                      | Phó Tổng Giám đốc                                 | 620.976.629          | 396.513.640          |
| - Ông Hà Vũ Hào                                           | Phó Tổng Giám đốc                                 | 618.745.843          | 406.340.016          |
| - Ông Ngô Trung Hiếu                                      | Phó Tổng Giám đốc<br>(Miễn nhiệm ngày 10/01/2025) | 27.650.561           | 398.523.437          |
| - Bà Trần Thị Thanh Hải                                   | Trưởng Ban Kiểm soát                              | 516.861.335          | 350.477.016          |
| - Bà Đào Thị Thu Hà                                       | Kế toán trưởng                                    | 559.824.875          | 344.749.502          |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**34.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Giao dịch bên liên quan**

|                                                                                   | <b>Từ 01/01/2025<br/>đến 30/06/2025<br/>VND</b> | <b>Từ 01/01/2024<br/>đến 30/06/2024<br/>VND</b> |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| <b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>                                                 | <b>54.186.624.410</b>                           | <b>58.647.883.616</b>                           |
| - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ                                    | 9.678.225.477                                   | 30.955.791.917                                  |
| - Công ty CP Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng                                    | 2.258.076.206                                   | 1.400.789.853                                   |
| - Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu                                                | 3.278.905.284                                   | 783.978.815                                     |
| - Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng                           | 174.401.838                                     | 99.530.541                                      |
| - Công ty CP Vận tải biển Việt Nam                                                | 19.529.143.836                                  | 15.481.043.902                                  |
| - Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam                                             | -                                               | 794.801.000                                     |
| - Công ty CP VIMC Logistics                                                       | 793.955.000                                     | 732.966.000                                     |
| - Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam                                       | 10.738.000                                      | 8.410.000                                       |
| - Công ty CP HPH Logistics                                                        | 4.515.371.869                                   | 4.869.927.135                                   |
| - Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP     | -                                               | 120.296.188                                     |
| - Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật - Việt                                        | 120.195.000                                     | 64.450.000                                      |
| - Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ                                                    | 3.392.162.466                                   | 1.849.374.665                                   |
| - Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao                                         | 12.060.000                                      | -                                               |
| - Công ty CP Phát triển Hàng hải (Vimadeco)                                       | 38.220.000                                      | 9.476.000                                       |
| - Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ                                              | 1.331.976.150                                   | 559.793.600                                     |
| - Công ty CP Vận tải Container VIMC                                               | 56.254.500                                      | -                                               |
| - Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc - Chi nhánh Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam | -                                               | 119.383.000                                     |
| - Công ty CP Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng                             | 80.358.790                                      | -                                               |
| - CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Quảng Ninh             | 106.890.000                                     | 794.801.000                                     |
| - CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Hải Phòng              | 8.807.299.994                                   | -                                               |
| - CN Công ty CP Hàng hải Đông Đô tại Hải Phòng                                    | 2.390.000                                       | 3.070.000                                       |
| <b>Mua dịch vụ</b>                                                                | <b>52.701.403.000</b>                           | <b>29.260.346.588</b>                           |
| - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ                                    | 1.524.201.584                                   | -                                               |
| - Công ty CP Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng                                    | 20.969.415.695                                  | 20.869.545.098                                  |
| - Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu                                                | 5.044.348.056                                   | 1.099.627.659                                   |
| - Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng                                  | 502.607.490                                     | 293.808.400                                     |
| - Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng                           | 19.878.527.413                                  | -                                               |
| - Công ty CP Vận tải biển Việt Nam                                                | -                                               | 1.555.148.000                                   |
| - Công ty CP HPH Logistics                                                        | 415.992.466                                     | 542.552.527                                     |
| - Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ                                                    | -                                               | 302.829.988                                     |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**34.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Giao dịch bên liên quan (tiếp)**

|                                                                                       | <b>Từ 01/01/2025<br/>đến 30/06/2025<br/>VND</b> | <b>Từ 01/01/2024<br/>đến 30/06/2024<br/>VND</b> |
|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| - CN Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP -<br>Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng        | 1.625.916.180                                   | 1.157.720.800                                   |
| - Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân                                                      | -                                               | 698.720.000                                     |
| - Ban QLDA chuyên ngành hàng hải VIMC -<br>Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - | 2.740.394.116                                   | 2.740.394.116                                   |
| <b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>                                                    | <b>180.008.026.254</b>                          | <b>99.844.138.260</b>                           |
| - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ                                        | 142.800.000.000                                 | 91.800.000.000                                  |
| - Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu                                                    | 35.343.929.689                                  | 6.472.829.940                                   |
| - Công ty CP HPH Logistics                                                            | 1.855.360.000                                   | -                                               |
| - Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng<br>Hải Phòng                              | -                                               | 1.571.308.320                                   |
| - Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng<br>Hải Phòng                            | 8.736.565                                       | -                                               |

**34.3 NỢ TIỀM TANG**

Tại thời điểm 30/06/2025, Công ty đang ghi nhận tại chi tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 137,98 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chi tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng.

Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Ngày 8/6/2023, Công ty đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện tại, Bộ GTVT và Bộ Tài chính đang nghiên cứu phương án trình Chính phủ thông qua việc sửa đổi Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để có thể giải quyết dứt điểm vướng mắc này.

Ngày 27/12/2024, Cảng Hải Phòng ra Nghị quyết số 168/NQ-CHP về việc tiếp tục trích khấu hao đối với các tài sản bến số 4, số 5 Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ. Theo đó, Cảng Hải Phòng tiến hành tính toán, điều chỉnh lại mức khấu hao/năm, thực hiện tiếp tục trích khấu hao từ thời điểm 01/01/2024 và thời điểm kết thúc khấu hao là tháng 4 năm 2043. Chi phí khấu hao hàng năm, tính từ năm 2024 là 8,3 tỷ đồng (so với chi phí khấu hao trích trong giai đoạn trước năm 2020 là 6,74 tỷ đồng/năm).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**34.3 NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP)**

Đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ của Công ty. Khi cơ quan quản lý Nhà nước có quyết định chính thức về hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, Công ty có thể phát sinh các khoản lãi vay phải trả trong thời gian dừng ghi nhận nêu trên.

**34.4 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 08/07/2025, Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng ra Quyết định số 2735/QĐ-CHP về việc chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu thành Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ trên cơ sở đổi tên Công ty, thay đổi địa điểm và tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu. Theo đó, Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ có trách nhiệm tiếp nhận lao động, tài sản, vật tư, thiết bị, cơ sở hạ tầng được điều chuyển từ Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ theo phương án tái cơ cấu/sáp nhập của Chủ sở hữu để tổ chức hoạt động, bảo toàn và phát triển vốn.

**34.5 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng đã được soát xét.

Hải Phòng, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẢNG HẢI PHÒNG**

Số: 3661 /CHP-TCKT  
“V/v giải trình biến động kết quả  
kinh doanh 6 tháng năm 2025”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

**Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Căn cứ nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến Báo cáo tài chính theo Điều 14 Khoản 4 Chương III Thông tư 96/2020/TT-BTC về công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn, Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng - Mã chứng khoán PHP) xin giải trình biến động kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính riêng bán niên và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2025 với năm 2024 như sau:

|   | Chỉ tiêu                         | 6 Tháng<br>Năm 2025 | 6 Tháng<br>Năm 2024 | Biến động       |        |
|---|----------------------------------|---------------------|---------------------|-----------------|--------|
|   |                                  |                     |                     | Giá trị         | Tỷ lệ  |
| 1 | Lợi nhuận sau thuế BCTC riêng    | 463.792.388.731     | 285.473.539.066     | 178.318.779.018 | 62,46% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế BCTC hợp nhất | 416.006.951.657     | 404.026.119.300     | 11.980.832.357  | 2,97%  |

**Biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng:**

Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2025 tăng 62,46% so với cùng kỳ năm 2024 là do các nguyên nhân:

- Doanh thu bốc xếp tăng so với cùng kỳ năm 2024.
- Cảng Hải Phòng ghi nhận thu nhập khác từ chênh lệch do đánh giá giá trị tài sản góp vốn đầu tư vào công ty liên doanh (Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Cảng Hải Phòng).

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- HĐQT Cty (để b/cáo);
- Lưu VT, P.TCKT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**Nguyễn Tường Anh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẢNG HẢI PHÒNG**

Số: 3663 /CHP-TCKT  
“V/v giải trình kết luận ngoại trừ của  
kiểm toán trong BCTC bán niên năm  
2025 đã được soát xét”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 27 tháng 08 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

**Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng.

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Mã chứng khoán PHP) xin giải trình kết luận ngoại trừ của kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty như sau:

Kết luận: “Tại thời điểm 30/06/2025, Công ty đang ghi nhận tại chi tiêu “Tài sản cố định hữu hình” (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 137,98 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chi tiêu “Vay và nợ thuê tài chính dài hạn” (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng.

Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Ngày 8/6/2023, Công ty đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Bộ GTVT đã có văn bản số 10882/BGTVT-TC ngày 28/9/2023 gửi Bộ Tài chính tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết



cầu hạ tầng hàng hải (thay thế Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018), trong đó Bộ GTVT có đề xuất bổ sung nội dung trong điều khoản chuyển tiếp của Nghị định để trong trường hợp đề xuất được thông qua sẽ giải quyết được hình thức quản lý tài sản, tức là tài sản bến số 4,5 Cảng Chùa Vẽ được giao cho Cảng Hải Phòng quản lý, khai thác (không phải cho thuê). Ngày 24/12/2024, Văn phòng Chính phủ đã có thông báo số 569/TB-VPCP về việc kết luận tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ về Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Theo đó, Phó Thủ tướng thống nhất về việc không quy định xử lý chuyển tiếp trong Nghị định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hình thành từ nguồn vốn Nhà nước, đồng thời giao Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính khẩn trương báo cáo phương án xử lý. Khi có sự phê duyệt chính thức của các cấp có thẩm quyền về phương án quản lý khai thác đối với tài sản Cầu số 4, số 5, Bãi container Chùa Vẽ và Góí thiết bị, Cảng Hải Phòng sẽ có trách nhiệm cập nhật lại số liệu báo cáo tài chính. Ngày 27/12/2024, thực hiện theo Nghị quyết số 168/NQ-CHP, Hội đồng quản trị Công ty đã chấp thuận chủ trương tiếp tục trích khấu hao đối với cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ theo đề xuất của Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng tại Báo cáo số 4882/CHP-TCKT ngày 25/12/2024.

Ngày 03/6/2025 Cảng Hải Phòng đã có văn bản số 2212/CHP-TCKT báo cáo đề nghị Bộ Xây dựng và Bộ Tài chính thống nhất phương án báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án quản lý khai thác các tài sản trên.

Đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định các chi phí liên quan đến việc sử dụng các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ của Công ty giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2025.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết để có thể đánh giá được ảnh hưởng của toàn bộ các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty (đính kèm)."

Kết luận ngoại trừ này đã được nêu từ giai đoạn công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/07/2014 và đã được Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng giải trình bằng văn bản gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trong BCTC từ năm 2014 đến năm 2024. Cho đến ngày 30/06/2025, Cơ quan quản lý chưa phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản cầu số 4, số 5 và bãi container cảng Chùa Vẽ nên vẫn tồn tại kết luận kiểm toán ngoại trừ nêu trên.

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin giải trình kết luận ngoại trừ của kiểm toán nêu trên đến Quý cơ quan để làm rõ hơn các thông tin trong báo cáo tài chính cũng như để Quý vị cổ đông và nhà đầu tư hiểu rõ hơn về tình hình tài chính của công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- HĐQT Cty (để b/cáo);
- Lưu Thư ký Cty, VT, TCKT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**Nguyễn Tường Anh**

